

# CÁC QUY TẮC TRỌNG TÀI CỦA SCMA

ẤN BẢN LẦN THỨ TƯ  
NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2022

# ĐIỀU KHOẢN MẪU CỦA SCMA

## Điều khoản trọng tài của SCMA

“Bất kỳ và tất cả các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này, bao gồm bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến sự tồn tại, tính hiệu lực hoặc sự chấm dứt của hợp đồng, sẽ được chuyển đến và giải quyết cuối cùng bởi trọng tài tại Singapore theo Các quy tắc trọng tài của Phòng Trọng tài Hàng hải Singapore (“Các quy tắc SCMA”) hiện hành khi bắt đầu phân xử, trong đó các quy tắc được xem là được đưa vào điều khoản này bằng dẫn chiếu.”

LƯU Ý: Theo Ấn bản thứ 4 của Các quy tắc SCMA, trong trường hợp tổng số tiền yêu cầu bồi thường và yêu cầu bồi thường ngược lại là từ 300.000 USD trở xuống (hoặc tổng số tiền khác theo thỏa thuận), bồi phân xử sẽ được tiến hành theo Thủ tục giải quyết nhanh của SCMA (Quy tắc 44), các bên cần thêm điều khoản sau đây vào Điều khoản trọng tài của SCMA ở trên:

“Thủ tục giải quyết nhanh của SCMA sẽ không được áp dụng cho trọng tài.”

## Điều khoản trọng tài của SCMA về dầu nhiên liệu

Thủ tục yêu cầu bồi thường của Singapore liên quan đến dầu nhiên liệu (Điều khoản SBC) là một tập hợp các quy tắc/điều khoản trọng tài được thiết lập đặc biệt cho ngành tiếp nhiên liệu và là một phần trong các Tiêu chuẩn của Singapore do Enterprise Singapore và Hội đồng Tiêu chuẩn Singapore duy trì. Các bên có thể sử dụng Điều khoản trọng tài của SCMA về dầu nhiên liệu liên quan đến bất kỳ hợp đồng nào về bán và/hoặc cung cấp dầu nhiên liệu:

“Bất kỳ và tất cả các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này, bao gồm bất kỳ vấn đề nào liên quan đến sự tồn tại, tính hiệu lực hoặc sự chấm dứt của hợp đồng, sẽ được chuyển đến và giải quyết cuối cùng bởi trọng tài ở Singapore tại Phòng Trọng tài Hàng hải Singapore theo Thủ tục yêu cầu bồi thường của Singapore liên quan đến dầu nhiên liệu hiện hành khi bắt đầu phân xử, trong đó các điều khoản đó được xem là được đưa vào điều này bằng dẫn chiếu.”

## Điều khoản theo luật áp dụng

Các bên nên bổ sung một điều khoản theo luật áp dụng bên cạnh bất kỳ điều khoản mẫu nào ở trên. Để thực hiện điều này, các bên có thể chọn điều khoản sau và cần lưu ý rằng các bên có thể thay thế luật của Singapore bằng luật của bất kỳ khu vực tài phán nào khác theo thỏa thuận:

“Hợp đồng này được điều chỉnh theo luật của [Singapore].”

## Điều khoản trọng tài – hòa giải – trọng tài của SCMA

Where Trong trường hợp các bên muốn đưa việc hòa giải vào bất kỳ điều khoản trọng tài nào đã thỏa thuận để làm cơ chế giải quyết tranh chấp theo cấp độ, các bên có thể thêm điều khoản bổ sung sau:

“Các bên đồng ý thêm rằng sau khi bắt đầu phân xử, các bên sẽ cố gắng giải quyết một cách có thiện chí các tranh chấp được đưa ra phân xử thông qua hòa giải tại (Trung tâm Hòa giải Singapore/Trung tâm Hòa giải Quốc tế Singapore/[chèn bất kỳ tổ chức hòa giải được công nhận nào khác])\* theo Nghị thức SCMA AMA đang có hiệu lực. Bất kỳ sự dàn xếp nào đạt được trong quá trình hòa giải sẽ được chuyển đến hội đồng trọng tài được chỉ định theo Các quy tắc SCMA và có thể nhận được phán quyết đồng ý theo các điều khoản đã thỏa thuận.”

\*Xóa hoặc sửa đổi nếu có thể áp dụng. Nếu không tổ chức hòa giải nào hoặc tất cả các tổ chức hòa giải đều bị xóa, Trung tâm Hòa giải Quốc tế Singapore sẽ được áp dụng.

## Điều khoản trọng tài và luật BIMCO của SCMA 2020

(Được BIMCO thông qua vào tháng 09 năm 2020. Được dùng trong Mẫu đơn và Hợp đồng BIMCO)

(a) Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và hiểu theo luật Singapore/Anh\* và bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được chuyển riêng sang trọng tài ở Singapore theo Đạo luật trọng tài quốc tế Singapore (Chương 143A) hoặc bất kỳ việc sửa đổi hoặc tái ban hành nào theo luật định trừ khi cần thiết để làm cho các quy định của điều khoản này có hiệu lực. Nơi phân xử sẽ là Singapore ngay cả khi bất kỳ phiên điều trần nào diễn ra ở một khu vực tài phán khác.

\*Xóa địa điểm nào không được áp dụng. Nếu không địa điểm nào hoặc cả hai địa điểm đều bị xóa, thì luật Anh sẽ được áp dụng.

(b) Thẩm quyền giải quyết thuộc về ba (3) trọng tài viên trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

(c) Buổi phân xử sẽ được tiến hành theo Quy tắc trọng tài của Phòng Trọng tài Hàng hải Singapore (SCMA).

- (d) Trong trường hợp cả yêu cầu bồi thường hoặc bất kỳ yêu cầu bồi thường ngược lại nào đều không vượt quá số tiền 300.000 USD (hoặc số tiền khác mà các bên có thể thỏa thuận), thì buổi phân xử sẽ được tiến hành theo Thủ tục giải quyết nhanh của SCMA.
- (e) Các quy tắc và thủ tục được đề cập trong điều khoản phụ (c) và (d) ở trên sẽ là những quy tắc hiện hành tại thời điểm bắt đầu quy trình tố tụng trọng tài.
- (f) Bất kỳ và tất cả các thông báo cũng như thư từ trao đổi liên quan đến bất kỳ quy trình tố tụng trọng tài nào theo điều khoản này, bao gồm thông báo bắt đầu và chỉ định trọng tài, sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày và giờ gửi email nếu được gửi bằng email đến địa chỉ email bên dưới:

Tên của bên ký kết hợp đồng này:

(Các) địa chỉ email để nhận thông báo và thư từ trao đổi thay mặt cho bên nêu trên: [chèn]

Tên của bên khác trong hợp đồng này:

(Các) địa chỉ email để nhận thông báo và thư từ trao đổi thay mặt cho bên nêu trên: [chèn]

Một trong hai bên sẽ có quyền thay đổi và/hoặc thêm vào các địa chỉ email nêu trên bằng cách gửi thông báo thay đổi cho bên kia theo địa chỉ trên (hoặc các địa chỉ đã sửa đổi có liên quan nếu đã được thông báo sửa đổi trước đó).

Không có mục nào trong điều khoản này ngăn cản bất kỳ thông báo và thư từ trao đổi nào về mọi quy trình tố tụng trọng tài liên quan đến việc hợp đồng này được tổng đạt bằng các phương tiện hữu hiệu khác.

# CHỈ MỤC

## I – ĐIỀU KHOẢN SƠ BỘ

QUY TẮC 1: Định nghĩa	1
QUY TẮC 2: Phạm vi áp dụng	2
QUY TẮC 3: Thông báo, dịch vụ, tính toán khoảng thời gian	2
QUY TẮC 4: Người đại diện của các bên	3
QUY TẮC 5: Ngôn ngữ trọng tài	3

## II – BẮT ĐẦU PHÂN XỬ VÀ THIẾT LẬP TÒA TRỌNG TÀI

QUY TẮC 6: Thông báo và bắt đầu phân xử	5
QUY TẮC 7: Phản hồi thông báo phân xử	6
QUY TẮC 8: Chỉ định Tòa trọng tài	6
QUY TẮC 9: Nhiều bên chỉ định Tòa trọng tài	8
QUY TẮC 10: Tính độc lập và công bằng của Tòa trọng tài	8
QUY TẮC 11: Từ chối trọng tài viên	9
QUY TẮC 12: Thủ tục từ chối	9
QUY TẮC 13: Quyết định từ chối	9
QUY TẮC 14: Chỉ định trọng tài viên thay thế	10
QUY TẮC 15: Quy trình tố tụng trong trường hợp thay thế (các) trọng tài viên	10

## III – TỐ TỤNG

QUY TẮC 16: Thủ tục và thư từ trao đổi	12
QUY TẮC 17: Các cuộc họp quản lý vụ việc	12
QUY TẮC 18: Tổng đạt báo cáo tình tiết vụ việc	12
QUY TẮC 19: Nội dung báo cáo tình tiết vụ việc	13
QUY TẮC 20: Tuyên bố khác bằng văn bản	13
QUY TẮC 21: Không tổng đạt báo cáo tình tiết vụ việc	13
QUY TẮC 22: Bảng câu hỏi	14

QUY TẮC 23: Nhân chứng sự thật	14
QUY TẮC 24: Chuyên gia	14
QUY TẮC 25: Điều trần	15
QUY TẮC 26: Thông dịch viên	15
QUY TẮC 27: Kết thúc tố tụng	16

#### **IV – QUYỀN HẠN VÀ THỦ TỤC TRỌNG TÀI**

QUY TẮC 28: Nghĩa vụ và quyền hạn	18
QUY TẮC 29: Sự liên kết giữa các Bị đơn và những buổi phân xử có liên quan	19
QUY TẮC 30: Phạm vi quyền hạn của Tòa trọng tài	19
QUY TẮC 31: Luật áp dụng	19
QUY TẮC 32: Nơi phân xử	19
QUY TẮC 33: Đưa ra quyết định	20

#### **V - PHÁN QUYẾT VÀ CHẤM DỨT**

QUY TẮC 34: Phán quyết	22
QUY TẮC 35: Tiền tệ và lãi suất	23
QUY TẮC 36: Phán quyết bổ sung	23
QUY TẮC 37: Chính sửa phán quyết	23
QUY TẮC 38: Dàn xếp và chấm dứt tố tụng	24
QUY TẮC 39: Chi phí trọng tài và chi phí pháp lý	25

**VI – CHI PHÍ CỦA TÒA TRỌNG TÀI**

QUY TẮC 40: Lệ phí và phí tổn phải trả cho Tòa trọng tài	27
QUY TẮC 41: Đảm bảo thanh toán các lệ phí và phí tổn phải trả cho Tòa trọng tài	27
QUY TẮC 42: Giữ tiền	28
QUY TẮC 43: Điều chỉnh	28

**VII – THỦ TỤC GIẢI QUYẾT NHANH, ĐÂM VA, TRANH CHẤP VỀ DẦU NHIÊN LIỆU**

QUY TẮC 44: Thủ tục giải quyết nhanh	30
QUY TẮC 45: Quyết định phân xử nhanh các yêu cầu bồi thường do đâm va của SCMA (Điều khoản SEADOCC)	31
QUY TẮC 46: Thủ tục yêu cầu bồi thường của Singapore liên quan đến dầu nhiên liệu (Điều khoản SBC)	31

**VIII – BẢO MẬT VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

QUY TẮC 47: Bảo mật	33
QUY TẮC 48: Loại trừ trách nhiệm pháp lý	33
QUY TẮC 49: Khước từ	34
QUY TẮC 50: Phương pháp tiếp cận có mục đích đối với các quy tắc	34

<b>PHỤ LỤC A: BẢNG CÂU HỎI (QUY TẮC 22)</b>	<b>36</b>
---	-----------

<b>NGHI THỨC TRỌNG TÀI – HÒA GIẢI – TRỌNG TÀI CỦA SCMA (“NGHI THỨC SCMA AMA”)</b>	<b>40</b>
---	-----------

<b>ĐIỀU KHOẢN CHỈ ĐỊNH CHUẨN CỦA SCMA</b>	<b>43</b>
---	-----------

# I – ĐIỀU KHOẢN SƠ BỘ





## QUY TẮC 1

### Định nghĩa

1.1 Các quy tắc này sẽ được gọi là “Các quy tắc SCMA”, hoặc đơn giản là “Các quy tắc”.

1.2 Trong Các quy tắc này:  
“Phán quyết” bao gồm mọi phán quyết từng phần, tạm thời, cuối cùng hoặc bổ sung.

“Chủ tịch” có nghĩa là Chủ tịch của Phòng Trọng tài Hàng hải Singapore, hoặc người khác được Chủ tịch chỉ định. Chức vụ Chủ tịch bao gồm Chủ tịch là nam hoặc Chủ tịch là nữ, tùy trường hợp.

“Phòng Trọng tài” có nghĩa là Phòng Trọng tài Hàng hải Singapore và bao gồm bất kỳ viên chức, nhân viên hoặc người đại diện nào của Phòng Trọng tài.

“Thủ tục giải quyết nhanh” có nghĩa là thủ tục theo Quy tắc 44 và bao gồm dẫn chiếu đến Thủ tục yêu cầu bồi thường số tiền nhỏ.

“Quy chế hành nghề” đề cập đến bất kỳ hướng dẫn hoặc nguyên tắc nào được Tổng Thư ký công bố vào từng thời điểm để hỗ trợ việc thực hiện Các quy tắc này.

“Tổng Thư ký” có nghĩa là Tổng Thư ký của Phòng Trọng tài và bao gồm Trợ lý Tổng Thư ký. Tổng Thư ký khi đại diện cho Phòng Trọng tài sẽ được coi là có toàn quyền làm tất cả những việc cần thiết để thực hiện Các quy tắc này (trừ khi bị loại trừ theo bất kỳ điều khoản nào khác của Quy tắc này hoặc theo thỏa thuận của các bên).

“Điều khoản SBC” đề cập đến các điều khoản về Thủ tục yêu cầu bồi thường của Singapore liên quan đến dầu nhiên liệu được đề cập trong Quy tắc 46, đồng thời được duy trì bởi Hội đồng Tiêu chuẩn Singapore và được sửa đổi theo thời gian.

“Biểu phí” là biểu phí do Phòng Trọng tài duy trì, có thể được sửa đổi vào từng thời điểm.

“Điều khoản SEADOCC” đề cập đến các điều khoản trong Quyết định nhanh của trọng tài về yêu cầu bồi thường do đâm va của SCMA được đề cập trong Quy tắc 45, đồng thời được Phòng Trọng tài duy trì và có thể được sửa đổi vào từng thời điểm.

“Ban thư ký” có nghĩa là Ban thư ký của Phòng Trọng tài và bao gồm Tổng Thư ký cũng như Trợ lý Tổng Thư ký.

“Điều khoản bổ nhiệm tiêu chuẩn” đề cập đến Điều khoản bổ nhiệm tiêu chuẩn của SCMA được Phòng Trọng tài duy trì và có thể được sửa đổi theo thời gian.

“Tòa trọng tài” có nghĩa là trọng tài viên duy nhất hoặc tất cả các trọng tài viên khi nhiều trọng tài viên được chỉ định.

## QUY TẮC 2

### Phạm vi áp dụng

- 2.1 Các quy tắc này sẽ áp dụng cho một thỏa thuận trọng tài bất cứ khi nào các bên đã đồng ý như vậy và do đó sẽ chi phối việc phân xử, ngoại trừ rằng nếu bất kỳ Quy tắc nào trong số này xung đột với bất kỳ luật nào của nơi phân xử mà các bên không được vi phạm, thì trong trường hợp đó, luật áp dụng sẽ được ưu tiên.
- 2.2 Trừ khi có thỏa thuận khác, ấn bản này của Các quy tắc sẽ áp dụng cho một buổi phân xử bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2022.

## QUY TẮC 3

### Thông báo, gửi thông báo, tính toán khoảng thời gian

- 3.1 Cho mục đích của Các quy tắc này, bất kỳ thông báo hoặc thư từ trao đổi nào đều phải bằng văn bản và được coi là đã được gửi và nhận thành công nếu được gửi với bằng chứng gửi hoặc nhận:
  - a. tận tay đến người nhận; hoặc
  - b. đến nơi thường trú, địa điểm kinh doanh hoặc địa chỉ gửi thư thực tế của người nhận; hoặc
  - c. đến địa chỉ gửi thư điện tử được chỉ định của người nhận; hoặc
  - d. nếu không tìm thấy địa chỉ nào nêu trên trong mục 3.1a đến 3.1c sau khi tiến hành cuộc điều tra hợp lý, thì đến nơi cư trú hoặc địa điểm kinh doanh đã biết gần nhất của người nhận.
- 3.2 Mọi thông báo hoặc thư từ trao đổi sẽ được coi là đã nhận được vào ngày ghi trên bằng chứng gửi hoặc nhận.
- 3.3 Địa chỉ gửi thư điện tử của người nhận được coi là đã được chỉ định nếu:
  - a. các bên đã đồng ý bằng văn bản rằng thư từ trao đổi giữa các bên sẽ được gửi đến địa chỉ gửi thư điện tử đó; hoặc
  - b. địa chỉ gửi thư điện tử đó đã được dùng thường xuyên và hiệu quả giữa các bên trong quá trình giải quyết công việc liên quan đến tranh chấp mà buổi phân xử đã được bắt đầu.
- 3.4 Cho mục đích tính khoảng thời gian theo Các quy tắc này, một khoảng thời gian sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày tiếp theo ngày gửi thông báo hoặc thư từ trao đổi. Nếu ngày cuối cùng của khoảng thời gian đó là ngày nghỉ chính thức hoặc ngày không làm việc tại nơi cư trú hoặc địa điểm kinh doanh của người nhận, thì khoảng thời gian này sẽ được kéo dài cho đến ngày làm việc đầu tiên sau đó. Các ngày nghỉ chính thức hoặc ngày không làm việc trong khoảng thời gian này được đưa vào khi tính khoảng thời gian.

## QUY TẮC 4

### Người đại diện của các bên

- 4.1 Khi một bên được đại diện bởi luật sư hoặc người đại diện khác liên quan đến bất kỳ quy trình tố tụng trọng tài nào, tất cả các thông báo, thư từ trao đổi hoặc tài liệu cần phải được tổng đạt cho các mục đích của quy trình tố tụng trọng tài, cùng với tất cả các quyết định, lệnh và Phán quyết do Tòa trọng tài đưa ra hoặc ban hành, sẽ được coi là đã tổng đạt hiệu quả nếu được tổng đạt cho luật sư hoặc người đại diện đó.
- 4.2 Theo Quy tắc 4.4, mọi người đại diện được ủy quyền (cho dù người đó có phải là chuyên viên pháp lý hay không) đều có thể đại diện cho bất kỳ bên nào. Tòa trọng tài có thể yêu cầu bằng chứng về thẩm quyền của người đại diện khi xét thấy thích hợp.
- 4.3 Tên và địa chỉ của mỗi người đại diện được ủy quyền sẽ được thông báo ngay cho (các) bên kia, Tòa trọng tài và Ban thư ký.
- 4.4 Nếu một bên có bất kỳ sự thay đổi nào về (các) đại diện được ủy quyền của mình sau khi Tòa trọng tài được thành lập, thì sự thay đổi đó sẽ phải được Tòa trọng tài chấp thuận. Tòa trọng tài chỉ có thể rút lại sự chấp thuận nếu xét thấy rằng có rủi ro đáng kể rằng sự thay đổi đó có thể ảnh hưởng đến việc tiến hành các quy trình tố tụng hoặc khả năng thực thi bất kỳ Phán quyết nào.

## QUY TẮC 5

### Ngôn ngữ trọng tài

- 5.1 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, tiếng Anh sẽ là ngôn ngữ của bất kỳ buổi phân xử nào được bắt đầu hoặc tiến hành theo Các quy tắc này.

## II – BẮT ĐẦU PHÂN XỬ VÀ THIẾT LẬP TÒA TRỌNG TÀI



## QUY TẮC 6

### Thông báo và bắt đầu phân xử

- 6.1 Bất kỳ bên nào đưa tranh chấp ra phân xử theo Các quy tắc này (“Nguyên đơn”) sẽ bắt đầu thủ tục phân xử trọng tài bằng cách gửi cho bên kia (“Bị đơn”) một Thông báo phân xử bằng văn bản (“Thông báo phân xử”). Thông báo phân xử sẽ bao gồm:
- yêu cầu đưa tranh chấp ra phân xử;
  - danh tính của các bên, bao gồm danh tính của người đại diện của các bên (nếu có), đối với tranh chấp;
  - dẫn chiếu đến điều khoản trọng tài hoặc bất kỳ thỏa thuận trọng tài riêng biệt nào được viện dẫn, hoặc bản sao của điều khoản hoặc thỏa thuận đó;
  - dẫn chiếu đến hợp đồng mà tranh chấp phát sinh từ hoặc bắt nguồn từ hợp đồng đó, bao gồm bất kỳ lựa chọn điều khoản luật nào, hoặc ngoài ra, bản sao của hợp đồng đó;
  - tên và chi tiết liên hệ của một trọng tài viên được chỉ định, khi chỉ có một trọng tài viên duy nhất được chỉ định;\*
  - tên và chi tiết liên hệ của trọng tài viên do bên Nguyên đơn chỉ định, khi có 3 trọng tài viên được chỉ định;\*
  - một báo cáo ngắn gọn mô tả bản chất của yêu cầu bồi thường và nếu có thể, chỉ ra số tiền yêu cầu bồi thường; và
  - một báo cáo về việc liệu có dự định áp dụng Thủ tục giải quyết nhanh trong Quy tắc 44 hay không.
- 6.2 Cùng lúc với Thông báo phân xử được gửi đến Bị đơn, nhằm mục đích lưu hồ sơ, Nguyên đơn phải gửi một bản của Thông báo phân xử cho Ban thư ký qua địa chỉ email [secretariat@scma.org.sg](mailto:secretariat@scma.org.sg) hoặc địa chỉ khác theo chỉ dẫn của Tổng Thư ký theo Quy chế hành nghề. Thông báo phân xử sẽ không bị vô hiệu nếu chậm trễ hoặc không tuân thủ Quy tắc 6.2 này.

\* Các bên cần lưu ý về Thủ tục giải quyết nhanh trong đó đơn của họ được đánh giá tại thời điểm ấn định cho việc đưa ra Phản hồi Thông báo phân xử (xem Quy tắc 44.1, đọc cùng Quy tắc 44.10 và 44.11). Để đảm bảo chắc chắn, các bên có thể đưa ra đề xuất thay thế trong cả Quy tắc 6.1e và 6.1f, cũng như Quy tắc 7.1b và 7.1c tương ứng.

**QUY TẮC 7****Phản hồi Thông báo phân xử**

- 7.1 Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo phân xử, Bị đơn sẽ gửi cho Nguyên đơn một văn bản Phản hồi Thông báo phân xử (“Phản hồi”). Phản hồi này sẽ bao gồm:
- a. nhận xét để đáp lại tất cả các đề xuất hoặc tuyên bố như có hoặc được yêu cầu trong Thông báo phân xử, bao gồm có dự định áp dụng Thủ tục giải quyết nhanh trong Quy tắc 44 hay không;
  - b. một thỏa thuận với trọng tài viên được chỉ định của Nguyên đơn, khi chỉ có một trọng tài viên duy nhất được chỉ định, hoặc tên và chi tiết liên hệ của một trọng tài viên được chỉ định thay thế;\*
  - c. tên và chi tiết liên hệ của trọng tài viên do bên Bị đơn chỉ định, khi có 3 trọng tài viên được chỉ định;\* và
  - d. một báo cáo ngắn gọn mô tả bản chất của sự bào chữa bên phía Bị đơn và bất kỳ yêu cầu bồi thường ngược lại nào, và nếu có thể, chỉ ra số tiền yêu cầu bồi thường ngược lại.
- 7.2 Cùng lúc với Phản hồi được gửi đến Nguyên đơn, nhằm mục đích lưu hồ sơ, Bị đơn phải gửi một bản của Phản hồi cho Ban thư ký qua địa chỉ email [secretariat@scma.org.sg](mailto:secretariat@scma.org.sg) hoặc địa chỉ khác theo chỉ dẫn của Tổng Thư ký theo Quy chế hành nghề. Phản hồi sẽ không bị vô hiệu nếu chậm trễ hoặc không tuân thủ Quy tắc 7.2 này.

**QUY TẮC 8****Chỉ định Tòa trọng tài**

- 8.1 Trong trường hợp các bên chưa thống nhất về số lượng trọng tài viên cũng như thủ tục chỉ định, Quy tắc 8 này sẽ luôn được áp dụng tùy thuộc vào việc áp dụng Thủ tục giải quyết nhanh trong Quy tắc 44.
- 8.2 Trong trường hợp các bên chưa thống nhất về số lượng trọng tài viên nhưng đã đồng ý với Quy tắc này, 3 trọng tài viên sẽ được chỉ định.
- 8.3 Trong trường hợp chỉ định một trọng tài viên duy nhất và các bên không thể nhất trí về việc chỉ định này trong vòng 14 ngày kể từ ngày được ấn định cho việc tổng đạt Phản hồi, Chủ tịch sẽ chỉ định trọng tài viên duy nhất theo đơn của bất kỳ bên nào.
- 8.4 Trong trường hợp các bên đã đồng ý rằng 3 trọng tài viên sẽ được chỉ định nhưng chưa đồng ý với thủ tục chỉ định:
- a. Nguyên đơn sẽ chỉ định 1 trọng tài viên tại thời điểm gửi Thông báo phân xử và Bị đơn sẽ chỉ định 1 trọng tài viên tại thời điểm gửi Phản hồi Thông báo phân xử.

\* Xin xem chú thích của Quy tắc 6.1 ở trên.

- b. Nếu bất kỳ bên nào không thông báo cho bên kia về việc chỉ định trọng tài viên do bên mình chỉ định trong vòng 14 ngày sau ngày được ấn định để gửi Phản hồi Thông báo phân xử, Chủ tịch sẽ chỉ định (các) trọng tài viên theo đơn của bất kỳ bên nào.
- c. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác rõ ràng, 2 trọng tài viên sau khi được chỉ định theo Quy tắc này sẽ thiết lập nên Tòa trọng tài vào thời điểm hiện tại và có thể, vào bất kỳ thời điểm nào sau đó, chỉ định một trọng tài viên thứ ba, miễn là việc này được thực hiện trước bất kỳ phiên điều trần quan trọng nào hoặc không chậm trễ nếu 2 trọng tài viên không thể nhất trí về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc phân xử.
- d. Nếu 2 trọng tài viên không thể nhất trí về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc phân xử và nếu 2 trọng tài viên nói trên không chỉ định trọng tài viên thứ ba trong vòng 14 ngày kể từ khi một người kêu gọi người kia làm như vậy, thì Chủ tịch sẽ chỉ định trọng tài thứ ba theo đơn của một trong 2 trọng tài viên hoặc của một bên.

8.5 Nếu các bên đã nhất trí về mọi phẩm chất đặc biệt mà (các) trọng tài viên cần phải có để được chỉ định, các bên (hoặc Tòa trọng tài theo Quy tắc 8.4d) sẽ tuyên bố về các phẩm chất đó với Chủ tịch tại thời điểm nộp đơn và Chủ tịch sẽ xem xét thỏa thuận đó. Trong mọi trường hợp, khi thực hiện quyền chỉ định theo Quy tắc 8, Chủ tịch không có nghĩa vụ chỉ định bất kỳ ứng cử viên nào được đề xuất.

8.6 Phí dịch vụ chỉ định theo như quy định trong Biểu phí phải được thanh toán cho Phòng Trọng tài đối với mọi sự chỉ định do Chủ tịch đưa ra theo Quy tắc này. Các bên chịu trách nhiệm chung và riêng về việc thanh toán phí dịch vụ chỉ định. Các bên sẽ chịu phí dịch vụ chỉ định theo tỷ lệ như nhau trong lần đầu tiên. Tuy nhiên, một bên nộp đơn yêu cầu dịch vụ chỉ định có thể thanh toán toàn bộ số tiền phí dịch vụ chỉ định vào bất kỳ lúc nào và lấy lại số tiền đó thông qua yêu cầu bồi thường của mình trong buổi phân xử.

8.7 Trong vòng 7 ngày kể từ ngày được chỉ định, mọi Tòa trọng tài được thiết lập theo Các quy tắc này sẽ thông báo cho Ban thư ký về việc chỉ định này, bao gồm các chi tiết sau:

- a. Bản chất ngắn gọn của tranh chấp;
- b. Danh tính của các bên;
- c. Luật sư tư vấn (nếu có); và
- d. Số tiền yêu cầu bồi thường và yêu cầu bồi thường ngược lại.

- 8.8 Việc thiết lập bất kỳ Tòa trọng tài nào theo Các quy tắc này sẽ không bị cản trở bởi bất kỳ trường hợp nào trong số này, khi mà trong những trường hợp như vậy, Tòa trọng tài sẽ tiến hành nếu xét thấy thích hợp:
- bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến tính đầy đủ của Thông báo phân xử hoặc Phản hồi sẽ do Tòa trọng tài giải quyết cuối cùng; hoặc
  - việc Bị đơn không gửi Phản hồi Thông báo phân xử; hoặc
  - bất kỳ chất vấn nào được nêu ra liên quan đến thẩm quyền xét xử của Tòa trọng tài, sẽ được Tòa trọng tài giải quyết.

## QUY TẮC 9

### Nhiều bên chỉ định Tòa trọng tài

- 9.1 Trong trường hợp có nhiều hơn 2 bên tham gia buổi phân xử và chỉ có một trọng tài viên duy nhất được chỉ định, (các) Nguyên đơn sẽ cùng chỉ định 1 trọng tài viên và (các) Bị đơn sẽ cùng đồng ý với đề cử của Nguyên đơn, hoặc (các) Bị đơn có thể cùng chỉ định 1 trọng tài viên như yêu cầu theo Quy tắc 7.1b.
- 9.2 Trong trường hợp có nhiều hơn 2 bên tham gia phân xử và có 3 trọng tài viên được chỉ định, (các) Nguyên đơn sẽ cùng chỉ định 1 trọng tài viên và (các) Bị đơn sẽ cùng đồng ý với đề cử của Nguyên đơn, hoặc (các) Bị đơn có thể cùng chỉ định 1 trọng tài viên như yêu cầu theo Quy tắc 6.1f và 7.1c.
- 9.3 Nếu (các) Nguyên đơn hoặc (các) Bị đơn không đồng ý với một trọng tài viên duy nhất hoặc không truyền đạt được cho các bên khác về việc chỉ định trọng tài viên do bên của họ chỉ định trong vòng 14 ngày sau ngày được ấn định cho việc gửi Phản hồi cuối cùng đối với Thông báo phân xử, thì Chủ tịch sẽ chỉ định (các) trọng tài viên theo đơn của bất kỳ bên nào.

## QUY TẮC 10

### Tính độc lập và công bằng của Tòa trọng tài

- 10.1 Tòa trọng tài tiến hành phân xử theo Các quy tắc này sẽ và luôn duy trì độc lập và khách quan, cũng như sẽ không đóng vai trò là người biện hộ cho bất kỳ bên nào.
- 10.2 Một trọng tài viên tiềm năng sẽ tiết lộ cho bất kỳ bên nào tiếp cận trọng tài viên liên quan đến việc trọng tài viên có thể được chỉ định, hoặc tiết lộ cho Chủ tịch trong trường hợp Ban thư ký tiếp cận liên quan đến việc Chủ tịch có thể chỉ định, về mọi tình huống có thể dẫn đến việc làm nảy sinh các nghi ngờ chính đáng về tính công bằng hoặc độc lập của trọng tài viên.
- 10.3 Sau khi được đề cử hoặc chỉ định, một trọng tài viên sẽ tiết lộ bất kỳ tình huống nào được đề cập trong Quy tắc 10.2 ở trên cho tất cả các bên.



## QUY TẮC 11

### Từ chối trọng tài viên

- 11.1 Trọng tài viên có thể bị từ chối nếu có các tình huống làm nảy sinh nghi ngờ chính đáng về tính công bằng hoặc độc lập của trọng tài viên, hoặc nếu trọng tài viên không có những phẩm chất mà các bên đã nhất trí.
- 11.2 Một bên chỉ có thể từ chối trọng tài viên do bên mình chỉ định vì những lý do mà họ nhận biết được sau khi đã chỉ định.

## QUY TẮC 12

### Thủ tục từ chối

- 12.1 Một bên có ý định từ chối trọng tài viên sẽ gửi cho Tòa trọng tài và bên kia hoặc tất cả các bên, tùy theo điều kiện nào áp dụng, một Thông báo từ chối. Thông báo này sẽ nêu rõ lý do từ chối.
- 12.2 Thông báo từ chối sẽ được gửi đến Tòa trọng tài và được tổng đạt trong vòng 14 ngày kể từ ngày chỉ định trọng tài viên hoặc trong vòng 14 ngày sau khi bên đó biết được các tình huống được đề cập trong Quy tắc 11.1.
- 12.3 Trong khi chờ xử lý trường hợp từ chối đó, Tòa trọng tài có thể tiếp tục quy trình tố tụng trọng tài và đưa ra Phán quyết.
- 12.4 Khi một trọng tài viên đã bị một bên từ chối, (các) bên kia có thể đồng ý với sự từ chối đó. Sau khi bị từ chối, trọng tài viên cũng có thể rút khỏi chức vụ. Tuy nhiên, điều này không ngụ ý là trong cả hai trường hợp, đều đã có sự chấp nhận về tính hợp lệ của các căn cứ để từ chối. Trong cả hai trường hợp, thủ tục nêu ra trong Quy tắc 8 đọc cùng với Quy tắc 14, sẽ được dùng để chỉ định một trọng tài thay thế.

## QUY TẮC 13

### Quyết định từ chối

- 13.1 Nếu bên kia hoặc các bên không đồng ý với đề xuất từ chối theo Quy tắc 12 và trọng tài bị từ chối không rút khỏi chức vụ, thì sau khi thanh toán phí nộp đơn cho Phòng Trọng tài như quy định trong Biểu phí, bên từ chối có thể chuyển vấn đề lên Chủ tịch để có quyết định cuối cùng.
- 13.2 Nếu Chủ tịch đồng ý với đề xuất từ chối, một trọng tài thay thế sẽ được chỉ định hoặc lựa chọn theo thủ tục áp dụng cho việc chỉ định một trọng tài như được đã nêu trong Quy tắc 8 đọc cùng với Quy tắc 14.
- 13.3 Quyết định của Chủ tịch theo Quy tắc 13.1 sẽ không bị kháng nghị.

**QUY TẮC 14****Chỉ định trọng tài viên thay thế**

- 14.1 Trong trường hợp bất kỳ trọng tài viên nào qua đời, từ chức hoặc rút lui, trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định theo Quy tắc áp dụng cho việc chỉ định trọng tài viên thay thế.

**QUY TẮC 15****Quy trình tố tụng trong trường hợp thay thế (các) trọng tài viên**

- 15.1 Trong trường hợp chỉ định bất kỳ trọng tài viên thay thế nào, theo quyết định riêng của mình, Tòa trọng tài được tái lập sẽ quyết định xem quy trình tố tụng trước đó có được lặp lại trước khi chỉ định hay không và ở mức độ nào.

# III – THỦ TỤC TỔ TỤNG



## QUY TẮC 16

### Thủ tục và thư từ trao đổi

- 16.1 Các bên có thể đồng ý với bất kỳ vấn đề nào về thủ tục hoặc bằng chứng, bao gồm cả việc gia hạn hoặc rút ngắn thời hạn bất kỳ được nêu ra trong Các quy tắc này, luôn tùy thuộc vào quyết định của Tòa trọng tài.
- 16.2 Tất cả thư từ trao đổi bằng văn bản liên quan đến việc phân xử mà được gửi từ Tòa trọng tài đến bất kỳ bên nào, hoặc từ bất kỳ bên nào đến Tòa trọng tài, sẽ được đồng gửi cho tất cả các bên khác và tất cả các thành viên của Tòa trọng tài.

## QUY TẮC 17

### Các cuộc họp quản lý vụ việc

- 17.1 Tòa trọng tài có thể quyết định trong bất kỳ giai đoạn tố tụng nào về việc triệu tập một cuộc họp quản lý vụ việc. Mục đích của (các) cuộc họp quản lý vụ việc có thể bao gồm:
  - a. cho phép các bên và Tòa trọng tài thiết lập thủ tục phân xử;
  - b. để xem xét tiến trình phân xử;
  - c. đạt được thỏa thuận nhiều nhất có thể để chuẩn bị cho việc tiến hành bất kỳ phiên điều trần nào; và
  - d. cho phép Tòa trọng tài đưa ra các hướng dẫn mà Tòa trọng tài cho là phù hợp khi không đạt được thỏa thuận về bất kỳ vấn đề nào.
- 17.2 Tòa trọng tài sẽ ấn định ngày, giờ và địa điểm của bất kỳ cuộc họp phân xử nào, và sẽ đưa ra thông báo hợp lý cho các bên trước khi ấn định bất kỳ cuộc họp nào.
- 17.3 Một cuộc họp quản lý vụ việc có thể được tổ chức trực tiếp, qua điện thoại, hội nghị truyền hình hoặc theo bất kỳ cách nào khác mà Tòa trọng tài cho là thích hợp.
- 17.4 Tất cả các cuộc họp sẽ diễn ra riêng tư trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

## QUY TẮC 18

### Tổng đạt báo cáo tình tiết vụ việc

- 18.1 Nguyên đơn sẽ gửi cho Tòa trọng tài và tổng đạt cho Bị đơn một Báo cáo tình tiết vụ việc của Nguyên đơn trong vòng 30 ngày sau khi chỉ định Tòa trọng tài.
- 18.2 Bị đơn sẽ gửi cho Tòa trọng tài và tổng đạt cho Nguyên đơn một Tuyên bố biện hộ của Bị đơn (và Yêu cầu bồi thường ngược lại, nếu có) trong vòng 30 ngày sau khi tổng đạt Báo cáo tình tiết vụ việc của Nguyên đơn.

- 18.3 Nếu Nguyên đơn có ý định phản đối bất kỳ điều gì trong Tuyên bố biện hộ và/hoặc Yêu cầu bồi thường ngược lại của Bị đơn, thì Nguyên đơn sẽ gửi cho Tòa trọng tài và tổng đạt cho Bị đơn một Tuyên bố về câu trả lời của Nguyên đơn và, nếu cần thiết, Sự biện hộ cho yêu cầu bồi thường ngược lại, trong vòng 30 ngày sau khi tổng đạt Tuyên bố biện hộ của Bị đơn.
- 18.4 Nguyên đơn sẽ không được tổng đạt thêm báo cáo tình tiết vụ việc nào khi chưa có sự cho phép của Tòa trọng tài.

### QUY TẮC 19

#### Nội dung báo cáo tình tiết vụ việc

- 19.1 Mỗi báo cáo tình tiết vụ việc phải nêu chi tiết nhất có thể về yêu cầu bồi thường, sự biện hộ hoặc yêu cầu bồi thường ngược lại của bên đó. Do đó, báo cáo tình tiết vụ việc sẽ:
- nêu đầy đủ các dữ kiện và luận điểm của luật dùng làm căn cứ;
  - đưa ra tất cả biện pháp giảm nhẹ hoặc các biện pháp khác phục khác được tìm kiếm, cùng với số tiền của tất cả các yêu cầu bồi thường có thể định lượng và tính toán chi tiết;
  - nêu đầy đủ lý do để từ chối mọi cáo buộc hoặc tuyên bố của (các) bên kia; và
  - nêu đầy đủ nội dung thuật lại sự việc của riêng mình nếu một bên dự định đưa ra nội dung thuật lại sự việc khác với nội dung thuật lại do (các) bên kia đưa ra.
- 19.2 Báo cáo tình tiết vụ việc sẽ được ký bởi hoặc thay mặt cho bên đưa ra tuyên bố này.
- 19.3 Tất cả các tuyên bố được đề cập trong Quy tắc 18 hoặc 20 phải được đính kèm với mọi tài liệu mà bên đó dùng làm căn cứ để hỗ trợ cho vụ kiện của mình.

### QUY TẮC 20

#### Tuyên bố khác bằng văn bản

- 20.1 Tòa trọng tài sẽ quyết định những tuyên bố bằng văn bản nào, ngoài (các) báo cáo tình tiết vụ việc đã được đệ trình, được yêu cầu từ các bên và sẽ ấn định khoảng thời gian để gửi và tổng đạt các tuyên bố đó.
- 20.2 Tất cả các tuyên bố khác như vậy sẽ được gửi cho Tòa trọng tài và được tổng đạt cho Nguyên đơn hoặc Bị đơn, tùy theo điều kiện nào có thể áp dụng.

### QUY TẮC 21

#### Không tổng đạt báo cáo tình tiết vụ việc

- 21.1 Nếu Nguyên đơn, trong thời gian quy định theo Các quy tắc này hoặc thời gian có thể được Tòa trọng tài ấn định, không tổng đạt Báo cáo tình tiết vụ việc của mình, thì Tòa trọng tài có thể ra lệnh chấm dứt quy trình tố tụng trọng tài hoặc đưa ra các hướng dẫn khác có thể phù hợp trong những tình huống đó.

- 21.2 Nếu Bị đơn không gửi Tuyên bố biện hộ của mình, thì Tòa trọng tài vẫn có thể tiến hành phân xử và đưa ra Phán quyết.

## QUY TẮC 22

### Bảng câu hỏi

- 22.1 Trừ khi các bên đồng ý rằng thẩm quyền đã sẵn sàng để tiến tới Phán quyết trên cơ sở độc quyền của các văn bản đệ trình đã được tổng đạt, các bên sẽ hoàn thành Bảng câu hỏi theo mẫu nêu trong Phụ lục A và Bảng câu hỏi này sẽ được gửi cho Tòa trọng tài và (các) bên kia trong vòng 14 ngày sau thời gian ấn định cho việc tổng đạt Tuyên bố về câu trả lời của Nguyên đơn.
- 22.2 Bảng câu hỏi phải có tuyên bố được nêu ở cuối tài liệu và có chữ ký của một viên chức có thẩm quyền hợp lệ của bên đó.

## QUY TẮC 23

### Nhân chứng sự thật

- 23.1 Tòa trọng tài sẽ yêu cầu mỗi bên thông báo về danh tính và việc chỉ định bất kỳ nhân chứng sự thật nào mà họ dự định sẽ cung cấp bằng chứng cho dù bằng văn bản tuyên bố hay tại phiên điều trần.
- 23.2 Mỗi bên hoặc người đại diện của mỗi bên có thể đặt câu hỏi cho nhân chứng sự thật được triệu tập để đưa ra bằng chứng tại phiên điều trần tùy theo bất kỳ phán quyết nào của Tòa trọng tài.
- 23.3 Tòa trọng tài có thể yêu cầu một nhân chứng sự thật làm chứng tại một phiên điều trần dưới hình thức tuyên thệ hoặc xác nhận.
- 23.4 Theo lệnh hoặc chỉ đạo mà Tòa trọng tài có thể đưa ra, lời khai của các nhân chứng có thể được trình bày dưới dạng văn bản, là các tuyên bố có chữ ký hoặc các tuyên bố đưa ra theo hình thức tuyên thệ hoặc xác nhận.
- 23.5 Nếu một nhân chứng sự thật không tham dự phiên điều trần để cung cấp bằng chứng dưới dạng lời khai khi được yêu cầu làm như vậy, thì Tòa trọng tài có thể cân nhắc đến văn bản chứng thực của nhân chứng nếu thấy phù hợp. Trong mọi trường hợp, Tòa trọng tài sẽ xác định khả năng chấp nhận, mức độ liên quan, tính trọng yếu và trọng lượng của bằng chứng do bất kỳ nhân chứng sự thật nào đưa ra nếu thấy phù hợp.

## QUY TẮC 24

### Chuyên gia

- 24.1 Không bên nào được bổ sung bằng chứng của chuyên gia khi chưa có sự cho phép của Tòa trọng tài. Trong trường hợp cho phép, Tòa trọng tài sẽ yêu cầu bên đó bổ sung bằng chứng của chuyên gia để thông báo về danh tính và việc chỉ định bất kỳ chuyên gia nào mà bên đó dự định sẽ nộp bằng chứng hoặc người sẽ được triệu tập tại bất kỳ phiên điều trần nào.

- 24.2 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Tòa trọng tài có thể:
- chỉ định một hoặc nhiều chuyên gia để báo cáo cho Tòa trọng tài về các vấn đề cụ thể bằng chi phí của các bên theo tỷ lệ mà Tòa trọng tài cho là hợp lý; và/hoặc
  - yêu cầu một bên cung cấp cho chuyên gia mọi thông tin liên quan hoặc trao quyền tiếp cận mọi tài liệu, hàng hóa hoặc tài sản liên quan để chuyên gia kiểm tra.
- 24.3 Mỗi bên hoặc người đại diện của bên đó có thể đặt câu hỏi cho một chuyên gia được triệu tập để đưa ra bằng chứng tại phiên điều trần theo cách mà Tòa trọng tài cho là phù hợp để làm chứng về các điểm được đề cập.
- 24.4 Theo lệnh hoặc chỉ đạo mà Tòa trọng tài có thể đưa ra, lời khai của một chuyên gia có thể được trình bày trong báo cáo, dưới dạng một tuyên bố có chữ ký hoặc tuyên bố được đưa ra theo hình thức tuyên thệ hoặc xác nhận. Tòa trọng tài sẽ xác định khả năng chấp nhận, mức độ liên quan, tính trọng yếu và trọng lượng của bằng chứng do bất kỳ chuyên gia nào đưa ra như Tòa trọng tài cho là phù hợp.

## QUY TẮC 25

### Phiên điều trần

- 25.1 Tòa trọng tài sẽ quyết định xem có nên tổ chức một phiên điều trần hay chỉ xử lý vấn đề trên giấy tờ, ngoại trừ rằng trong mọi trường hợp, sẽ có một phiên điều trần miễn là bất kỳ bên nào có yêu cầu.
- 25.2 Tòa trọng tài sẽ ấn định ngày, giờ và địa điểm của bất kỳ phiên điều trần phân xử nào, và sẽ đưa ra thông báo hợp lý cho các bên trước khi ấn định bất kỳ phiên điều trần nào.
- 25.3 Một phiên điều trần có thể được tổ chức trực tiếp, qua điện thoại, hội nghị truyền hình hoặc theo bất kỳ cách nào khác mà Tòa trọng tài cho là thích hợp.
- 25.4 Trong trường hợp một bên tham gia tố tụng nhưng không có mặt tại phiên điều trần dù đã nhận được thông báo mà không có lý do chính đáng, Tòa trọng tài có thể tiến hành phân xử và đưa ra Phán quyết.
- 25.5 Tất cả các phiên điều trần sẽ diễn ra riêng tư trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

## QUY TẮC 26

### Thông dịch viên

- 26.1 Nếu cần thiết, bất kỳ bên nào cũng có thể chỉ định một thông dịch viên khi Tòa trọng tài cho phép.
- 26.2 Thông dịch viên đó sẽ độc lập với các bên và bên chỉ định thông dịch viên sẽ trả phí cho thông dịch viên.
- 26.3 Nếu cùng chỉ định thông dịch viên đó, cả hai bên sẽ chia sẻ chi phí theo tỷ lệ như Tòa trọng tài xác định.

## QUY TẮC 27

### Kết thúc tố tụng

- 27.1 Tại một giai đoạn thích hợp, Tòa trọng tài sẽ tuyên bố kết thúc quá trình tố tụng và tiến tới một Phán quyết cuối cùng. Trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi các bên đồng ý hoặc Tòa trọng tài chỉ đạo khác, quy trình tố tụng sẽ được coi là kết thúc sau 3 tháng kể từ ngày nộp bất kỳ văn bản cuối cùng hoặc kể từ phiên điều trần cuối cùng.
- 27.2 Trong những trường hợp thích hợp, Tòa trọng tài có thể mở lại quy trình tố tụng bất kỳ lúc nào trước khi đưa ra Phán quyết cuối cùng.



# IV – QUYỀN HẠN VÀ THỦ TỤC TRỌNG TÀI



## QUY TẮC 28

### Nhiệm vụ và quyền hạn

- 28.1 Nhiệm vụ của Tòa trọng tài là đảm bảo đưa ra quyết định một cách công bằng, nhanh chóng, tiết kiệm và cuối cùng đối với tranh chấp.
- 28.2 Tòa trọng tài sẽ có toàn quyền quyết định trong tất cả các vấn đề được cho phép tại nơi phân xử trong khi suy xét đến bất kỳ thỏa thuận nào giữa các bên.
- 28.3 Ngoài các quyền hạn được xác định ở những nơi khác trong Các quy tắc này hoặc bất kỳ luật hiện hành nào, Tòa trọng tài sẽ có quyền:
- a. quyết định tất cả các vấn đề về thủ tục và chứng cứ;
  - b. gia hạn hoặc rút ngắn bất kỳ thời hạn nào được nêu trong Các quy tắc này;
  - c. cho phép bất kỳ bên nào, theo các điều khoản (về chi phí và vấn đề khác) mà Tòa trọng tài sẽ xác định, được quyền:
    - i. thay đổi hoặc bổ sung các yêu cầu bồi thường hoặc yêu cầu bồi thường ngược lại; và
    - ii. sửa đổi bất kỳ báo cáo tình tiết vụ việc nào.
  - d. ra lệnh hoặc chỉ đạo bất kỳ bên nào cung cấp thêm thông tin về vụ kiện của mình;
  - e. tiến hành việc điều tra khi Tòa trọng tài cho là cần thiết hoặc thích hợp;
  - f. ra lệnh cho các bên chuẩn bị sẵn bất kỳ tài sản hoặc vật dụng nào để kiểm tra;
  - g. ra lệnh cho bất kỳ bên nào xuất trình cho Tòa trọng tài và cho các bên khác để kiểm tra, và cung cấp bản sao của bất kỳ tài liệu hoặc loại tài liệu nào thuộc quyền sở hữu, lưu giữ hoặc thẩm quyền của họ mà Tòa trọng tài xác định là có liên quan;
  - h. ra lệnh lấy mẫu, thực hiện bất kỳ quan sát nào đối với hoặc tiến hành thí nghiệm dựa trên bất kỳ tài sản nào là hoặc hình thành nên đối tượng của tranh chấp;
  - i. tiếp nhận và xét đến bằng chứng bằng văn bản hoặc bằng lời nói khi Tòa trọng tài xác định là có liên quan;
  - j. đưa ra các lệnh hoặc các hướng dẫn mà Tòa trọng tài cho là phù hợp; và
  - k. tiến hành phân xử và đưa ra Phán quyết cho dù bất kỳ bên nào không tuân thủ Các quy tắc này hoặc từ chối tuân thủ Các quy tắc này hoặc các lệnh bằng văn bản hay hướng dẫn bằng văn bản của Tòa trọng tài hoặc thực thi quyền trình bày vụ việc của mình, nhưng chỉ sau khi thông báo bằng văn bản cho bên đó rằng Tòa trọng tài có ý định làm như vậy.

**QUY TẮC 29****Sự liên kết và những buổi phân xử có liên quan**

- 29.1 Nếu các bên đều nhất trí, Tòa trọng tài sẽ có quyền thêm các bên khác (khi họ đồng ý) vào buổi phân xử và đưa ra một Phán quyết cuối cùng và duy nhất để định đoạt tất cả các tranh chấp giữa họ.
- 29.2 Trong trường hợp có 2 buổi phân xử trở lên đưa ra các vấn đề chung về thực tế hoặc luật, thì Tòa trọng tài có thể chỉ đạo tiến hành đồng thời hoặc liên tiếp 2 buổi phân xử trở lên. Trong trường hợp đưa ra lệnh như vậy, Tòa trọng tài có thể cung cấp các hướng dẫn cần có phục vụ cho mục tiêu công bằng, tiết kiệm và nhanh chóng, bao gồm:
- các tài liệu được các bên tiết lộ trong một buổi phân xử sẽ được cung cấp cho các bên tham gia vào buổi phân xử khác dựa trên những điều kiện như Tòa trọng tài có thể xác định; và/hoặc
  - bằng chứng được đưa ra trong một buổi phân xử sẽ được tiếp nhận và thừa nhận trong (các) buổi phân xử khác, tùy thuộc vào việc tất cả các bên được trao cơ hội hợp lý để nhận xét về bằng chứng đó và tùy thuộc vào những điều kiện khác như Tòa trọng tài có thể xác định.

**QUY TẮC 30****Phạm vi quyền hạn của Tòa trọng tài**

- 30.1 Ngoài thẩm quyền thực hiện các quyền hạn được xác định ở những mục khác trong Các quy tắc này hoặc bất kỳ luật áp dụng nào hiện có hiệu lực, Tòa trọng tài sẽ có thẩm quyền:
- phán quyết dựa trên phạm vi quyền hạn của mình; và
  - định đoạt tất cả các tranh chấp phát sinh theo hoặc liên quan đến giao dịch hoặc chủ thể của dẫn chiếu, bất kể tranh chấp đó phát sinh trước hay sau khi bắt đầu dẫn chiếu, luôn suy xét đến phạm vi của thỏa thuận trọng tài và bất kỳ vấn đề pháp lý nào nảy sinh trong buổi phân xử.

**QUY TẮC 31****Luật áp dụng**

- 31.1 Tòa trọng tài sẽ áp dụng luật do các bên chỉ định là có thể áp dụng cho nội dung của tranh chấp. Nếu các bên không chỉ định luật, Tòa trọng tài sẽ áp dụng luật mà Tòa trọng tài cho là có thể áp dụng.

**QUY TẮC 32****Nơi phân xử**

- 32.1 Nơi phân xử sẽ là Singapore trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Trong trường hợp nơi phân xử là Singapore, Đạo luật trọng tài quốc tế (Chương 143A) sẽ được áp dụng, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

- 32.2 Một Phán quyết được đưa ra theo Các quy tắc này sẽ được coi là được đưa ra tại nơi phân xử.
- 32.3 Bất kể nơi phân xử là ở đâu, tất cả các phiên điều trần và cuộc họp phân xử thực tế mặc nhiên sẽ được tổ chức tại Singapore, trừ khi các bên thỏa thuận khác hoặc Tòa trọng tài có chỉ đạo khác.

### **QUY TẮC 33**

#### **Đưa ra quyết định**

- 33.1 Trừ khi được nêu trong Quy tắc 33.2, trong trường hợp một Tòa trọng tài đã được chỉ định, bất kỳ chỉ đạo, lệnh, quyết định hoặc Phán quyết nào của Tòa trọng tài sẽ do toàn bộ Tòa trọng tài hoặc đa số Tòa trọng tài đưa ra. Quan điểm của trọng tài viên thứ ba sẽ được ưu tiên liên quan đến quyết định, lệnh hoặc Phán quyết mà chưa có sự nhất trí của toàn bộ cũng như đa số.
- 33.2 Trường hợp trọng tài viên thứ ba chưa được chỉ định hoặc nếu vị trí của trọng tài viên thứ ba bị bỏ trống, 2 trọng tài viên còn lại sẽ có quyền đưa ra quyết định, lệnh và Phán quyết nếu nhất trí về bất kỳ vấn đề nào.

# V – PHÁN QUYẾT VÀ CHẤM DỨT



## QUY TẮC 34

### Phán quyết

- 34.1 Trừ khi tất cả các bên có thỏa thuận khác, Tòa trọng tài sẽ đưa ra Phán quyết cuối cùng bằng văn bản trong vòng 3 tháng kể từ ngày quy trình tố tụng kết thúc và Tòa trọng tài sẽ nêu trong Phán quyết cuối cùng các lý do làm căn cứ để đưa ra Phán quyết đó.
- 34.2 Bằng việc đồng ý phân xử theo Các quy tắc này, các bên đồng ý rằng bất kỳ Phán quyết nào sẽ ràng buộc các bên kể từ ngày được đưa ra và cam kết thực hiện Phán quyết ngay lập tức và không chậm trễ.
- 34.3 Mọi Phán quyết sẽ ghi rõ ngày tháng đưa ra và sẽ được Tòa trọng tài ký tên theo Quy tắc 33. Nếu một trọng tài viên từ chối hoặc không ký tên vào Phán quyết, thì chữ ký của đa số sẽ là đủ, miễn là nêu rõ lý do thiếu chữ ký của trọng tài viên đó trong Phán quyết.
- 34.4 Các thành viên của một Tòa trọng tài không cần gặp trực tiếp để ký tên vào bất kỳ Phán quyết nào hoặc để thực hiện các sửa chữa. Trừ khi bất kỳ bên nào yêu cầu hoặc Tòa trọng tài có quyết định riêng khác, Phán quyết có thể được ký bằng chữ ký điện tử và/hoặc ở dạng nhiều bản ký và được gộp thành một tài liệu điện tử duy nhất.
- 34.5 Trong trường hợp lệ phí cho Tòa trọng tài chưa được thanh toán hoặc chưa được thanh toán hết tại thời điểm sắp đưa ra hoặc đưa ra Phán quyết, Tòa trọng tài sẽ ngay lập tức thông báo cho các bên bằng văn bản về số tiền lệ phí và phí tổn còn thiếu, và thông báo rằng Phán quyết sẽ được gửi đến cho các bên hoặc các bên sẽ nhận được phán quyết (dù bằng phương thức điện tử hay vật lý) khi đã thanh toán đầy đủ số tiền đó. Tòa trọng tài sẽ có quyền từ chối gửi hoặc chuyển giao Phán quyết hoặc bất kỳ bản sao nào của Phán quyết cho các bên trừ khi các bên đã thanh toán đầy đủ lệ phí và phí tổn. Theo quyết định của mình, Tòa trọng tài có thể chuyển Phán quyết cho Ban thư ký và hướng dẫn chuyển giao cho các bên khi họ đã thanh toán đầy đủ các lệ phí và phí tổn phải trả cho Tòa trọng tài, hoặc theo các điều khoản thấp hơn như vậy mà Tòa trọng tài có thể quyết định.
- 34.6 Nếu bất kỳ Phán quyết nào chưa được thanh toán trong vòng 1 tháng kể từ ngày thông báo theo Quy tắc 34.5, Tòa trọng tài có thể thông báo bằng văn bản cho bất kỳ bên nào yêu cầu thanh toán mọi lệ phí và phí tổn còn nợ Tòa trọng tài. Bên đã nhận được thông báo như vậy sẽ có nghĩa vụ thanh toán và nhận Phán quyết trong vòng 14 ngày kể từ ngày thông báo.
- 34.7 Tòa trọng tài sẽ gửi một bản sao của bất kỳ Phán quyết nào cho Ban thư ký tại thời điểm chuyển giao cho bất kỳ bên nào, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào, trong vòng 14 ngày kể từ ngày gửi.
- 34.8 Nếu không có bất kỳ bên nào thông báo bằng văn bản cho Ban thư ký về việc phản đối công bố Phán quyết trong vòng 30 ngày kể từ ngày chuyển Phán quyết, thì Phòng Trọng tài có thể công khai Phán quyết cho các mục đích nghiên cứu và nghề nghiệp. Phán quyết sẽ được biên tập lại để bảo toàn tính ẩn danh liên quan đến danh tính của các bên, của người đại diện pháp lý hoặc người đại diện khác của họ và của Tòa trọng tài.

- 34.9 Bất kỳ bên nào cũng có thể nộp đơn cho Chủ tịch hoặc Tổng Thư ký để xác thực hoặc chứng nhận bất kỳ Phán quyết SCMA nào. Bên nộp đơn sẽ thanh toán cho Phòng Trọng tài lệ phí như được nêu trong Biểu phí cùng với bất kỳ chi phí bắt buộc nào khác đối với việc in ấn, đóng thành cuốn hay gửi bưu điện hoặc bất kỳ chi phí liên quan nào khác trước khi chuyển giao Phán quyết đã chứng thực hoặc bản sao đã chứng nhận của Phán quyết.
- 34.10 3 tháng sau khi công bố Phán quyết cuối cùng, Tòa trọng tài có thể thông báo cho các bên về ý định hủy bỏ tài liệu và đóng hồ sơ, và Tòa trọng tài sẽ hành động theo đó trừ khi có yêu cầu khác trong vòng 21 ngày kể từ ngày thông báo được đưa ra.

### QUY TẮC 35

#### Tiền tệ và lãi suất

- 35.1 Tòa trọng tài có thể đưa ra Phán quyết theo bất kỳ đơn vị tiền tệ nào nếu xét thấy phù hợp và công bằng.
- 35.2 Tòa trọng tài có thể tính lãi đơn hoặc lãi kép cho bất kỳ khoản tiền nào được trao theo lãi suất đơn hoặc kép đó và đối với (các) kỳ cả trước và sau ngày đưa ra Phán quyết mà Tòa trọng tài cho là phù hợp và công bằng.

### QUY TẮC 36

#### Phán quyết bổ sung

- 36.1 Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được Phán quyết, bất kỳ bên nào, sau khi đã thông báo cho (các) bên kia, có thể yêu cầu Tòa trọng tài đưa ra một Phán quyết bổ sung đối với các yêu cầu bồi thường được trình bày trong quy trình tố tụng trọng tài nhưng bị bỏ sót trong Phán quyết này.
- 36.2 Nếu Tòa trọng tài cho rằng yêu cầu về Phán quyết bổ sung là hợp lý và có thể giải quyết trường hợp bỏ sót bằng Phán quyết bổ sung, thì Tòa trọng tài sẽ thông báo cho tất cả các bên trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu rằng Tòa trọng tài sẽ đưa ra Phán quyết bổ sung, và hoàn thành Phán quyết bổ sung trong vòng 60 ngày sau khi nhận được yêu cầu.

### QUY TẮC 37

#### Chỉnh sửa phán quyết

- 37.1 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết, trừ khi các bên đã nhất trí về một khoảng thời gian khác, một bên có thể thông báo cho Tòa trọng tài để yêu cầu Tòa trọng tài sửa chữa, bất kỳ lỗi nào khi tính toán, lỗi văn bản hoặc đánh máy, hoặc bất kỳ lỗi nào có tính chất tương tự, trong Phán quyết.
- 37.2 Nếu Tòa trọng tài cho rằng yêu cầu đó là chính đáng, thì Tòa trọng tài sẽ thực hiện (các) sửa đổi thông qua một phụ lục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Mọi chỉnh sửa sẽ được thông báo bằng văn bản cho các bên và sẽ trở thành một phần của Phán quyết.

- 37.3 Tòa trọng tài có thể tự mình sửa chữa bất kỳ lỗi nào thuộc loại được nêu trong Quy tắc 37.1 ở trên trong vòng 30 ngày kể từ ngày đưa ra Phán quyết.

## QUY TẮC 38

### Dàn xếp và chấm dứt tố tụng

- 38.1 Các bên sẽ thông báo cho Tòa trọng tài ngay lập tức nếu buổi phân xử được giải quyết hoặc chấm dứt theo cách khác, và nếu có thể, các bên sẽ đưa ra điều khoản dàn xếp việc thanh toán các chi phí trọng tài.
- 38.2 Nếu các bên đồng ý về việc giải quyết tranh chấp trước khi Phán quyết cuối cùng được đưa ra, thì Tòa trọng tài sẽ ra lệnh chấm dứt quy trình tố tụng trọng tài, hoặc trong trường hợp có yêu cầu và được Tòa trọng tài chấp nhận, cả hai bên sẽ ghi lại việc giải quyết vào một mẫu Phán quyết được đưa ra theo sự đồng ý. Tòa trọng tài không có nghĩa vụ nêu rõ các lý do trong một Phán quyết được đưa ra theo sự đồng ý.
- 38.3 Nếu không cần hoặc không thể tiếp tục quy trình tố tụng trọng tài vì bất kỳ lý do nào không được đề cập trong Quy tắc 38.1 ở trên, Tòa trọng tài sẽ thông báo cho các bên về ý định ra lệnh chấm dứt quy trình tố tụng. Tòa trọng tài sẽ có quyền ban hành một lệnh như vậy trừ khi một bên đưa ra các lý do chính đáng để phản đối trong vòng 30 ngày sau khi Tòa trọng tài đưa ra ý định của mình.
- 38.4 Trừ khi một bên yêu cầu, hoặc Tòa trọng tài có quyết định riêng khác, các bản sao của lệnh chấm dứt quy trình tố tụng trọng tài hoặc của Phán quyết được thực hiện theo sự đồng ý có thể được Tòa trọng tài ký bằng chữ ký điện tử và/hoặc theo hình thức các bản ký. Tòa trọng tài sẽ có quyền từ chối gửi hoặc chuyển giao Phán quyết được đưa ra theo sự đồng ý hoặc lệnh chấm dứt theo cách thức tương tự như Phán quyết được mô tả trong Quy tắc 34.5. Theo quyết định của mình, Tòa trọng tài có thể chuyển lệnh chấm dứt hoặc Phán quyết được đưa ra theo sự đồng ý cho Ban thư ký và hướng dẫn việc chuyển giao cho các bên khi họ đã thanh toán đầy đủ các lệ phí và phí tổn phải trả cho Tòa trọng tài, hoặc theo các điều khoản thấp hơn như vậy mà Tòa trọng tài có thể quyết định.
- 38.5 Tòa trọng tài sẽ gửi một bản sao của bất kỳ Phán quyết nào được đưa ra theo sự đồng ý hoặc lệnh chấm dứt cho Ban thư ký tại thời điểm chuyển giao cho bất kỳ bên nào, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào, trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển giao.



**QUY TẮC 39****Chi phí trọng tài và chi phí pháp lý**

- 39.1 Tòa trọng tài sẽ nêu rõ các chi phí phân xử trong Phán quyết cuối cùng và quyết định tỷ lệ chi phí mà các bên phải chịu.
- 39.2 “Chi phí trọng tài” sẽ bao gồm:
- a. lệ phí và phí tổn phải trả cho Tòa trọng tài; và
  - b. chi phí của bất kỳ chuyên gia nào do Tòa trọng tài chỉ định và bất kỳ sự hỗ trợ nào khác được Tòa trọng tài yêu cầu một cách hợp lý.
- 39.3 Tòa trọng tài có quyền ra lệnh trong bất kỳ Phán quyết nào rằng một bên sẽ phải thanh toán tất cả hoặc một phần chi phí pháp lý hoặc các chi phí khác của bên còn lại. Phán quyết sẽ ấn định các chi phí đó hoặc hướng dẫn rằng các chi phí sẽ được Tòa trọng tài đánh giá nếu các bên không nhất trí.
- 39.4 Khi quyết định bên nào sẽ chịu chi phí phân xử và các chi phí pháp lý hoặc chi phí khác của các bên và số tiền của tất cả các chi phí đó, Tòa trọng tài có thể xét đến bất kỳ trường hợp từ chối bất hợp lý nào của một bên tham gia hòa giải và/hoặc chấp nhận bất kỳ đề nghị dàn xếp nào đã được đưa ra. Trước khi Tòa trọng tài đưa ra Phán quyết cuối cùng, bất kỳ bên nào cũng có thể thông báo về mọi đề nghị dàn xếp đã được đưa ra trong quá trình tố tụng và việc tiết lộ sự dàn xếp đó sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Tòa trọng tài.

# VI – CHI PHÍ CỦA TÒA TRỌNG TÀI



## QUY TẮC 40

### Lệ phí và phí tổn phải trả cho Tòa trọng tài

- 40.1 Các bên phải chịu trách nhiệm chung và riêng đối với tất cả các lệ phí và phí tổn mà Tòa trọng tài đã phải chịu khi thực hiện nhiệm vụ của mình như được chỉ định theo Các quy tắc này.
- 40.2 Trừ khi một trọng tài viên và các bên có thỏa thuận khác, một trọng tài viên được chỉ định theo Các quy tắc này và các bên sẽ được coi là đã đồng ý với Điều khoản chỉ định tiêu chuẩn.
- 40.3 Các thành viên của Tòa trọng tài có thể tùy ý yêu cầu nhận được khoản thanh toán tạm thời cho lệ phí và phí tổn phải trả cho mỗi thành viên trong những khoảng thời gian thích hợp, bao gồm cả theo Điều khoản chỉ định tiêu chuẩn, nếu họ áp dụng. Bất kỳ yêu cầu thanh toán nào như vậy sẽ được gửi cho các bên và đồng gửi cho tất cả các thành viên khác của Tòa trọng tài.
- 40.4 Nếu bất kỳ số tiền nào đến hạn theo Quy tắc 40.3 nhưng vẫn chưa được thanh toán trong hơn 28 ngày sau khi có yêu cầu thanh toán, thì theo quyết định riêng của mình, trọng tài viên có thể thông báo bằng văn bản cho các bên và các trọng tài viên khác rằng họ sẽ rút lui nếu vẫn chưa nhận được khoản thanh toán đó trong vòng 14 ngày sau khi thông báo. Không ảnh hưởng đến trách nhiệm cuối cùng đối với các lệ phí được đề cập, bất kỳ bên nào cũng có thể ngăn trọng tài viên rút lui bằng cách thanh toán số tiền được yêu cầu trong vòng 14 ngày nói trên. Khi có bất kỳ sự rút lui nào theo Quy tắc này, trọng tài viên sẽ được quyền nhận khoản thanh toán ngay lập tức cho các lệ phí của họ từ trước đến nay và trọng tài viên sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ bên nào về bất kỳ hậu quả nào của việc rút lui đó. Tòa trọng tài có thể rút ngắn hoặc kéo dài khoảng thời gian quy định theo Quy tắc 40.4 này nếu xét thấy thích hợp để làm như vậy.

## QUY TẮC 41

### Đảm bảo thanh toán các lệ phí và phí tổn phải trả cho Tòa trọng tài

- 41.1 Một Tòa trọng tài có quyền yêu cầu số tiền đảm bảo ở mức hợp lý cho các chi phí phân xử. Nếu một Tòa trọng tài thực thi quyền yêu cầu sự đảm bảo, Tòa trọng tài sẽ thông báo cho các bên về tổng chi phí phân xử ước tính hoặc cho đến bất kỳ giai đoạn nào liên quan đến việc bảo đảm thanh toán các chi phí. Tòa trọng tài sẽ xét đến bất kỳ Quy chế hành nghề nào được ban hành theo Quy tắc này khi ước tính và ấn định số tiền đảm bảo được yêu cầu.
- 41.2 Tòa trọng tài sẽ có quyết định về thời điểm và bên nào sẽ thanh toán số tiền đảm bảo cho các chi phí phân xử và tỷ lệ như thế nào. Nếu một bên không thanh toán số tiền đảm bảo trong một thời gian hợp lý đã ấn định, thì bất kỳ bên nào khác sẽ nhận được thông báo trước 14 ngày để thanh toán, nếu không, Tòa trọng tài có thể đình chỉ buổi phân xử hoặc bỏ qua bất kỳ ngày điều trần nào đã ấn định trước đó.

- 41.3 Bất kỳ số tiền đảm bảo nào được thanh toán hoặc khoản thanh toán nào theo các điều khoản này sẽ không ảnh hưởng đến trách nhiệm cuối cùng giữa các bên đối với chi phí phân xử, cũng như trách nhiệm chung và liên đới của các bên đối với Tòa trọng tài cho đến khi tất cả các lệ phí và phí tổn còn tồn đọng đã được thanh toán toàn bộ.
- 41.4 Tòa trọng tài có thể ra lệnh rằng bất kỳ giá trị đảm bảo nào được cung cấp hoặc thanh toán theo các điều khoản này sẽ do Phòng Trọng tài nắm giữ theo Quy tắc 42 hoặc theo thỏa thuận khác do các bên đồng ý.

## QUY TẮC 42

### Giữ tiền

- 42.1 Theo quyết định của mình, Tòa trọng tài có thể chỉ đạo các bên, hoặc các bên theo thỏa thuận có thể, thuê dịch vụ giữ tiền của Phòng Trọng tài đối với các lệ phí quy định trong Biểu phí. Ban thư ký sẽ quản lý dịch vụ giữ tiền theo bất kỳ Quy chế hành nghề nào được ban hành theo Quy tắc này.

## QUY TẮC 43

### Hoãn

- 43.1 Nếu phiên điều trần bị hoãn lại một phần vì bất kỳ lý do gì, Tòa trọng tài sẽ được hưởng một khoản thanh toán tạm thời, do các bên chi trả với mức ngang bằng nhau hoặc theo cách khác như Tòa trọng tài có thể chỉ đạo, đối với bất kỳ lệ phí và phí tổn nào đã phát sinh.

# VII – THỦ TỤC GIẢI QUYẾT NHANH, ĐÂM VÀ, TRANH CHẤP VỀ DẦU NHIÊN LIỆU



## QUY TẮC 44

### Thủ tục giải quyết nhanh

#### **Nộp đơn**

- 44.1 Thủ tục giải quyết nhanh được nêu trong Quy tắc 44 này sẽ áp dụng cho bất kỳ tranh chấp nào đã đề cập trong Quy tắc này, trong đó:
- tại thời điểm ấn định cho việc gửi Phản hồi Thông báo phân xử, tổng số tiền yêu cầu bồi thường và yêu cầu bồi thường ngược lại (nếu có) đang tranh chấp là từ 300.000 đô la Mỹ trở xuống (không bao gồm tiền lãi và chi phí); hoặc
  - các bên đồng ý bằng văn bản rằng tranh chấp của họ sẽ được xử lý theo Quy tắc này.

#### **Rút ngắn thời gian**

- 44.2 Cho mục đích tổng đạt các báo cáo tình tiết vụ việc được đề cập trong Quy tắc 18, thời hạn cho mỗi báo cáo sẽ được giảm xuống còn 14 ngày.

#### **Xác định một cách tổng thể**

- 44.3 Ngay sau khi được chỉ định, Tòa trọng tài sẽ tiến hành đưa ra các hướng dẫn cho việc xác định các vấn đề một cách tổng thể.
- 44.4 Trừ khi Tòa trọng tài yêu cầu như vậy, sẽ không có phiên điều trần miệng nào. Phiên điều trần miệng (nếu có hướng dẫn làm như vậy) sẽ chỉ được tổ chức để tranh luận và Tòa trọng tài có thể phân bổ và giới hạn thời gian cho một phiên điều trần như vậy.
- 44.5 Trừ khi Tòa trọng tài yêu cầu cung cấp bất kỳ tài liệu hoặc loại tài liệu nào mà Tòa trọng tài cho là có liên quan để xác định các vấn đề đang tranh chấp, không bên nào được yêu cầu bất kỳ lệnh cung cấp bằng chứng, thông tin chi tiết hoặc thẩm vấn nào khác.
- 44.6 Tòa trọng tài có thể rút ra những suy luận như vậy từ bất kỳ tài liệu nào được tiết lộ hoặc không được tiết lộ khi Tòa trọng tài cho là phù hợp.

#### **Thời gian đưa ra Phán quyết**

- 44.7 Tòa trọng tài sẽ đưa ra Phán quyết trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo tình tiết vụ việc của tất cả các bên hoặc, nếu phiên điều trần miệng được ấn định, kể từ khi kết thúc phiên điều trần miệng.
- 44.8 Các lý do ngắn gọn sẽ được nêu trong một Phán quyết được đưa ra theo Thủ tục giải quyết nhanh này.

#### **Chỉ định trọng tài viên**

- 44.9 Một trọng tài viên duy nhất sẽ giải quyết quy trình tố tụng tranh chấp theo Thủ tục giải quyết nhanh này và Quy tắc 8.3 sẽ được áp dụng.
- 44.10 Khi Quy tắc 44.1a được áp dụng, mọi sự chỉ định trọng tài viên do một bên chỉ định theo Quy tắc 6.1f và 7.1c sẽ được coi là thông báo đề cử theo Quy tắc 6.1e và 7.1b.

- 44.11 Trong trường hợp Quy tắc 44.1a không áp dụng trên thực tế, thì bất kỳ đề cử nào của một bên về trọng tài viên nên chỉ định làm trọng tài viên duy nhất theo Quy tắc 6.1e và 7.1b sẽ được coi là thông báo về việc chỉ định trọng tài viên do một bên chỉ định theo Quy tắc 6.1f và 7.1c tương ứng.
- 44.12 Lệ phí của bất kỳ trọng tài viên nào giải quyết một vụ việc tranh chấp theo Thủ tục giải quyết nhanh sẽ được giới hạn ở mức quy định trong Biểu phí.
- Chi phí**
- 44.13 Tòa trọng tài có thể ra lệnh rằng tất cả hoặc một phần chi phí pháp lý hoặc các chi phí khác của một bên sẽ do bên kia thanh toán nhưng số tiền mà bên kia phải trả sẽ không vượt quá số tiền quy định trong Biểu phí.
- Khả năng áp dụng các Quy tắc**
- 44.14 Ngoại trừ được đưa ra hoặc sửa đổi rõ ràng theo Quy tắc 44 này, tất cả các điều khoản khác của Các quy tắc này sẽ được áp dụng, với những thay đổi cần thiết, cho bất kỳ buổi phân xử nào theo Thủ tục giải quyết nhanh.

## QUY TẮC 45

Xác định nhanh trọng tài cho yêu cầu bồi thường do đâm va (Điều khoản SEADOCC) của SCMA

- 45.1 Các bên đang yêu cầu giải quyết một tranh chấp phát sinh do đâm va có thể đồng ý đệ trình tranh chấp đó để giải quyết theo Điều khoản SEADOCC.
- 45.2 Lệ phí và phí tổn phải trả cho một trọng tài viên được chỉ định theo Điều khoản SEADOCC sẽ được chia đều giữa các bên, bất kể kết quả phân xử SEADOCC là như thế nào. Các bên sẽ chịu trách nhiệm chung và riêng đối với việc thanh toán tất cả các chi phí trọng tài.

## QUY TẮC 46

Thủ tục yêu cầu bồi thường của Singapore liên quan đến dầu nhiên liệu (Điều khoản SBC)

- 46.1 Cho dù theo sự nhất trí với Các quy tắc này hay theo cách khác, các bên trong bất kỳ hợp đồng mua bán và/hoặc cung cấp dầu nhiên liệu nào cũng có thể nhất trí rằng Thủ tục yêu cầu bồi thường của Singapore liên quan đến dầu nhiên liệu (Điều khoản SBC) do Hội đồng Tiêu chuẩn Singapore duy trì sẽ áp dụng cho bất kỳ hoặc tất cả các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng mua bán và/hoặc cung cấp dầu nhiên liệu.
- 46.2 Trong trường hợp tranh chấp phát sinh từ bất kỳ hợp đồng mua bán và/hoặc cung cấp dầu nhiên liệu nào, và yêu cầu bồi thường cũng như yêu cầu bồi thường ngược lại không vượt quá 100.000 SGD, thì Tổng Thư ký có thể theo đơn của một bên chỉ đạo rằng tranh chấp sẽ được giải quyết theo Điều khoản SBC.

# VIII – BẢO MẬT VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUNG





## QUY TẮC 47

### Bảo mật

- 47.1 Các bên và Tòa trọng tài cũng như Phòng Trọng tài sẽ luôn giữ bảo mật tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân xử (bao gồm cả sự tồn tại của buổi phân xử) và Phán quyết, ngoại trừ các vấn đề trong Quy tắc 47.2.
- 47.2 Nếu chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia hoặc các bên, tùy từng trường hợp, thì một bên, bất kỳ trọng tài viên nào cũng như Phòng Trọng tài không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ vấn đề nào liên quan đến quy trình tố tụng theo Quy tắc này, ngoại trừ:
- nhằm mục đích gửi đơn lên bất kỳ tòa án có thẩm quyền nào;
  - nhằm mục đích hoặc liên quan đến việc nộp đơn lên tòa án của bất kỳ Quốc gia nào để thực thi Phán quyết;
  - theo lệnh của tòa án có thẩm quyền;
  - tuân thủ các quy định của luật pháp tại bất kỳ Quốc gia nào ràng buộc đối với bên tiết lộ thông tin;
  - tuân thủ yêu cầu hoặc đòi hỏi của bất kỳ cơ quan quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền nào khác mà, nếu không có tính ràng buộc, thì bên tiết lộ thông tin vẫn sẽ tuân thủ theo thông lệ; hoặc
  - để khởi kiện hoặc biện hộ cho bất kỳ vụ kiện nào phát sinh từ quá trình tố tụng trọng tài.
- 47.3 Theo đơn của một bên liên quan đến yêu cầu theo Quy tắc 47.2 và với sự đồng ý của Tòa trọng tài, Phòng Trọng tài có thể cấp giấy chứng nhận xác nhận sự tồn tại và tình trạng của quy trình tố tụng trọng tài khi thanh toán lệ phí cho Phòng Trọng tài như đã quy định trong Biểu phí.

## QUY TẮC 48

### Loại trừ trách nhiệm pháp lý

- 48.1 Tòa trọng tài và Phòng Trọng tài sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ bên nào về mọi hành động hoặc việc không hành động liên quan đến bất kỳ buổi phân xử nào được tiến hành theo các Quy tắc này.
- 48.2 Sau khi Phán quyết cuối cùng đã được đưa ra và thời hạn để sửa chữa cũng như đưa ra Phán quyết bổ sung đã trôi qua hoặc hết hiệu lực, cả Tòa trọng tài và Phòng Trọng tài sẽ không có nghĩa vụ đưa ra bất kỳ tuyên bố nào với bất kỳ người nào về mọi vấn đề liên quan đến việc phân xử, và không bên nào được tìm cách làm cho bất kỳ trọng tài viên nào hoặc Phòng Trọng tài trở thành nhân chứng trong mọi quy trình tố tụng pháp lý phát sinh từ buổi phân xử.

**QUY TẮC 49**

## Từ bỏ

- 49.1 Bất kỳ bên nào nhận thấy tình trạng không tuân thủ Các quy tắc này nhưng vẫn xúc tiến việc phân xử mà không nêu rõ ngay lập tức sự phản đối của mình đối với tình trạng không tuân thủ đó sẽ được coi là đã từ bỏ quyền phản đối của mình.

**QUY TẮC 50**

## Phương pháp tiếp cận có mục đích đối với các Quy tắc

- 50.1 Liên quan đến bất kỳ vấn đề nào không được quy định rõ ràng trong Các quy tắc này, Tòa trọng tài, Chủ tịch và Tổng Thư ký sẽ hành động theo tinh thần của Các quy tắc này.

**PHỤ LỤC A:  
BẢNG CÂU HỎI  
(QUY TẮC 22)**



## PHỤ LỤC A: BẢNG CÂU HỎI (QUY TẮC 22)

Nếu chưa có sự chỉ đạo của Tòa trọng tài, các bên hoặc người đại diện của các bên phải tham khảo ý kiến của nhau và nhất trí với một đề xuất cho quá trình dẫn chiếu theo thủ tục trong tương lai và gửi đề xuất đã nhất trí đó cho Tòa trọng tài để phê duyệt. Nếu không thể đạt được thỏa thuận, mỗi bên nên đưa ra các đề xuất của riêng mình cùng với Bảng câu hỏi này để Tòa trọng tài xem xét và quyết định.

Các bên và người đại diện của các bên sẽ trả lời những câu hỏi sau và tích cực cung cấp thông tin được yêu cầu, đồng thời hợp tác tối đa trong phạm vi có thể:

1. Bản chất của yêu cầu bồi thường là gì? Một mô tả ngắn gọn là đủ nhưng cần xác định và giải thích bất kỳ điểm bất thường nào.
2. Số tiền ước tính hiện tại của yêu cầu bồi thường và bất kỳ yêu cầu bồi thường ngược lại nào?
3. Các bên đã nhất trí với danh sách các vấn đề chưa? Nếu không, mỗi bên sẽ xác định và liệt kê các vấn đề thực tế, kỹ thuật và pháp lý chính cần xác định tương ứng.
4. Có bất kỳ vấn đề nào trong số các vấn đề đã nhất trí hoặc do một bên xác định phù hợp để xác định là vấn đề sơ bộ không? Nếu có thì bằng thủ tục như thế nào? Có thể tiết kiệm thời gian hoặc chi phí ở mức nào khi xác định sơ bộ (các) vấn đề đó?
5. Có bất kỳ đơn xin sửa đổi (các) yêu cầu bồi thường, sự biện hộ hoặc yêu cầu bồi thường ngược lại không?
6. Có bất kỳ vấn đề tiết lộ nào vẫn cần được giải quyết không và một trong hai bên có ý định đưa ra yêu cầu cung cấp bất kỳ tài liệu nào cho bất kỳ bên nào khác không?
7. Có bất kỳ bên nào yêu cầu một phiên điều trần miệng để trình bày lời khai làm chứng hoặc tranh luận bằng miệng tương ứng, hay Tòa trọng tài có xác định các vấn đề trong quá trình phân xử chỉ trên cơ sở tài liệu không?
8. Liên quan đến bằng chứng của nhân chứng sự thật:
  - a. Bằng chứng về sự thật nào của nhân chứng trong biểu mẫu báo cáo dự định sẽ được thêm vào và do ai cung cấp?
  - b. Trong trường hợp từng nhân chứng, bằng chứng của nhân chứng sẽ đề cập đến các chủ thể và/hoặc vấn đề nào?
  - c. Theo đề xuất thì những báo cáo đó nên được đưa ra và tổng đạt vào ngày nào?

- d. Trong trường hợp Tòa trọng tài chỉ đạo có một phiên điều trần, thì (những) nhân chứng nào sẽ được triệu tập để đưa ra lời khai làm chứng tại phiên điều trần?
- e. Các bên đã xem xét liệu có thể hạn chế, không sao chép hoặc cần tránh dùng đến bằng chứng về sự thật của nhân chứng hay không và theo cách nào, bằng cách chấp nhận sự thật hoặc yêu cầu hoặc đề nghị chấp nhận hay chưa? Cần có một báo cáo ngắn gọn về việc xem xét và mọi bước đã thực hiện hoặc sẽ được thực hiện.
9. Liên quan đến bằng chứng chuyên gia:
- a. Cần có bằng chứng chuyên gia nào để Tòa trọng tài giải quyết các vấn đề kỹ thuật đã thỏa thuận hoặc xác định (như đã xác định trong câu hỏi 3)?
- b. Những vấn đề kỹ thuật nào đòi hỏi việc xác định bằng hướng dẫn chung của một chuyên gia theo thỏa thuận (hoặc do Tòa trọng tài chỉ định)?
- c. Nếu không, mỗi bên dự định bổ sung bằng chứng chuyên gia nào thông qua báo cáo và/hoặc lời khai chứng thực (nếu có yêu cầu điều trần) và khi nào thì báo cáo của các chuyên gia sẽ được trao đổi?
- d. Khi nào thì đề xuất tiến hành một hoặc nhiều cuộc họp giữa các chuyên gia (và chuyên gia cùng giải quyết vấn đề) và bằng phương tiện gì; và nên chuẩn bị cho một chương trình họp vào lúc nào và theo cách nào, đồng thời kết quả của cuộc họp được ghi lại là gì?
- e. Nhân chứng chuyên gia nên cung cấp bằng chứng của họ tại phiên điều trần bằng phương tiện hoặc thủ tục nào (nếu có lệnh)? Nếu hình thức gặp gỡ nhân chứng nào đó được thống nhất hoặc đề xuất, thì đề xuất tiến hành hình thức này cần tuân theo nghi thức nào (nếu có) và như thế nào?
10. Đối với trường hợp chỉ xác định trên các tài liệu hoặc nếu có một phiên điều trần:
- a. Trong cả hai trường hợp, thời gian biểu được thống nhất hay đề xuất cho việc trao đổi các văn bản đệ trình là gì?
- b. Có thể ước tính thời lượng của phiên điều trần không, nếu có lệnh tiến hành một phiên điều trần?
- c. Đề xuất nên tiến hành phiên điều trần như vậy khi nào?

11. Đối với chi phí:
- a. Chi phí pháp lý và chi phí khác tương ứng mà một bên phải chịu cho đến nay là bao nhiêu? Mỗi bên nên cung cấp bảng phân tích.
  - b. Chi phí pháp lý ước tính trong tương lai và chi phí khác tương ứng có thể phát sinh cho đến khi công bố Phán quyết trọng tài là bao nhiêu? Mỗi bên một lần nữa nên cung cấp bảng phân tích.
  - c. Một trong hai bên có cho rằng mình có quyền nhận được số tiền đảm bảo cho các chi phí của họ không và nếu có, thì với số tiền là bao nhiêu?
12. Hòa giải:
- a. Bên đó có xét thấy vụ việc phù hợp để hòa giải không?
  - b. Biện pháp hòa giải có được đề xuất và/hoặc bị từ chối không?
  - c. Bên đó có tìm cách tạm dừng (và nếu có thì trong bao lâu) các bước theo thủ tục hiện đang được tuân theo, để tìm hiểu khả năng hòa giải và thực hiện hòa giải không?

TUYÊN BỐ (DO VIÊN CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP CỦA BÊN ĐÓ KÝ TÊN KHI HOÀN THÀNH BẢNG CÂU HỎI NÀY):

Thay mặt cho [Nguyên đơn/Bị đơn], tôi, [tên] người đã ký dưới đây là [nêu rõ chức danh trong tổ chức] và được toàn quyền đưa ra tuyên bố này, xác nhận rằng tôi đã đọc và hiểu, đồng thời đồng ý với các câu trả lời được đưa ra ở trên.

.....  
Chữ ký

.....  
Ngày

# NGHI THỨC TRỌNG TÀI – HÒA GIẢI – TRỌNG TÀI CỦA SCMA (“NGHI THỨC SCMA AMA”)



## NGHI THỨC TRỌNG TÀI – HÒA GIẢI – TRỌNG TÀI CỦA SCMA (“NGHI THỨC SCMA AMA”)

1. Nghi thức SCMA AMA này sẽ áp dụng cho tất cả các tranh chấp được đệ trình để giải quyết theo Điều khoản trọng tài – hòa giải - trọng tài hoặc điều khoản tương tự khác (“Điều khoản SCMA AMA”) và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào mà các bên đã đồng ý đệ trình để giải quyết theo Nghi thức SCMA AMA này. Theo Nghi thức SCMA AMA, các bên đồng ý rằng bất kỳ tranh chấp nào được giải quyết trong quá trình hòa giải tại Trung tâm Hòa giải Singapore (“SMC”), Trung tâm Hòa giải Quốc tế Singapore (“SIMC”) hoặc bất kỳ tổ chức hòa giải được công nhận nào khác (mỗi tổ chức này được gọi là “Trung tâm hòa giải”) sẽ thuộc phạm vi thỏa thuận trọng tài của họ.
2. Một bên muốn bắt đầu phân xử theo Điều khoản “SCMA AMA” sẽ bắt đầu phân xử theo Các quy tắc SCMA.
3. Các bên sẽ thông báo cho Trung tâm Hòa giải về việc bắt đầu phân xử theo Điều khoản “SCMA AMA” trong vòng 4 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu phân xử hoặc trong vòng 4 ngày làm việc kể từ khi các bên đồng ý đưa tranh chấp của mình ra hòa giải theo “Nghi thức SCMA AMA”. Các bên sẽ gửi cho Trung tâm Hòa giải một bản sao thông báo phân xử.
4. Tòa trọng tài sẽ được thành lập theo Các quy tắc SCMA và/hoặc thỏa thuận trọng tài của các bên.
5. Sau khi trao đổi Thông báo phân xử và Phản hồi Thông báo phân xử, Tòa trọng tài sẽ vẫn tiếp tục phân xử. Các bên sẽ gửi Thông báo phân xử và Phản hồi cho Trung tâm hòa giải để tiến hành hòa giải tại Trung tâm hòa giải. Sau khi Trung tâm hòa giải nhận được tài liệu, Trung tâm hòa giải sẽ thông báo cho các bên về việc bắt đầu hòa giải tại Trung tâm hòa giải (“Ngày bắt đầu hòa giải”) theo Quy tắc hòa giải có liên quan áp dụng tại Trung tâm hòa giải. Tất cả các bước tiếp theo trong quá trình phân xử sẽ được hoãn lại trong khi chờ kết quả hòa giải tại Trung tâm hòa giải.
6. Quá trình tiến hành hòa giải dưới sự bảo trợ của Trung tâm hòa giải sẽ được hoàn thành trong vòng 8 tuần kể từ Ngày bắt đầu hòa giải, trừ khi các bên kéo dài thời gian sau khi tham khảo ý kiến của Trung tâm hòa giải. Cho mục đích tính toán bất kỳ khoảng thời gian nào trong quá trình tố tụng trọng tài, khoảng thời gian sẽ không được tính từ Ngày bắt đầu hòa giải và tiếp tục được tính sau khi một trong hai bên thông báo cho Tòa trọng tài về việc chấm dứt quy trình tố tụng hòa giải.



7. Khi kết thúc thời hạn 8 tuần (trừ trường hợp các bên gia hạn sau khi tham khảo ý kiến của Trung tâm hòa giải) hoặc trong trường hợp không thể giải quyết tranh chấp bằng cách hòa giải một phần hoặc toàn bộ bất kỳ lúc nào trước khi hết thời hạn 8 tuần, Trung tâm hòa giải phải thông báo ngay cho các bên về kết quả của buổi hòa giải, nếu có.
8. Trong trường hợp tranh chấp không được giải quyết bằng hòa giải một phần hoặc toàn bộ, thì một trong hai bên có thể thông báo cho Tòa trọng tài rằng quá trình tố tụng trọng tài sẽ được tiếp tục. Vào ngày thông báo như vậy cho Tòa trọng tài, quy trình tố tụng trọng tài đối với tranh chấp hoặc phần còn lại của tranh chấp (tùy từng trường hợp) sẽ được tiếp tục theo Các quy tắc SCMA.
9. Trong trường hợp tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải giữa các bên, Trung tâm hòa giải sẽ thông báo cho các bên rằng đã đạt được cách giải quyết. Nếu các bên yêu cầu Tòa trọng tài ghi lại thỏa thuận dàn xếp của họ dưới dạng một Phán quyết đồng ý, thì các bên sẽ chuyển thỏa thuận dàn xếp cho Tòa trọng tài và Tòa trọng tài có thể đưa ra Phán quyết đồng ý theo các điều khoản mà các bên đã nhất trí.

#### **Vấn đề tài chính**

10. Các bên cũng sẽ thanh toán lệ phí và phí tổn hành chính của Trung tâm hòa giải cho buổi hòa giải (“Khoản tạm ứng hòa giải”) theo Biểu phí tương ứng của Trung tâm hòa giải (“Khoản đặt cọc”). Số tiền của Khoản đặt cọc sẽ do Trung tâm hòa giải xác định.
11. Trong trường hợp một vụ việc được bắt đầu theo Điều khoản “SCMA AMA” và khi các bên đã đồng ý đệ trình tranh chấp của họ để được giải quyết theo “Nghị thức SCMA AMA” trước khi bắt đầu quá trình tố tụng trọng tài, thì Khoản tạm ứng hòa giải sẽ được thanh toán khi đệ trình vụ việc để hòa giải tại Trung tâm hòa giải.
12. Bất kỳ bên nào cũng được phép thanh toán Khoản đặt cọc của bên kia, nếu bên kia không thanh toán phần của mình. Trung tâm hòa giải sẽ thông báo cho các bên nếu Khoản đặt cọc vẫn chưa được thanh toán toàn bộ hoặc một phần.

# ĐIỀU KHOẢN CHỈ ĐỊNH CHUẨN CỦA SCMA



# ĐIỀU KHOẢN CHỈ ĐỊNH CHUẨN CỦA SCMA

(Đối với trọng tài viên, căn cứ Quy tắc 40 của các Các quy tắc SCMA, Ấn bản lần thứ 4)

Ngày 01 tháng 01 năm 2022

## 1. Mục đích và sử dụng

- 1.1 Điều khoản chỉ định chuẩn này có thể được thông qua hoặc điều chỉnh và ký kết theo thỏa thuận giữa Trọng tài viên và các Bên, để thể hiện sự chấp thuận của mình đối với Điều khoản chỉ định chuẩn này.
- 1.2 Trong trường hợp không có thỏa thuận rõ ràng về việc áp dụng bất kỳ điều khoản chỉ định nào khác giữa Trọng tài viên và các Bên, thì Điều khoản chỉ định chuẩn này sẽ được coi là áp dụng (ngay cả khi các Bên và Trọng tài viên không ký tên), dựa trên thỏa thuận trọng tài giữa các Bên theo Ấn bản thứ 4 của Các quy tắc SCMA, Quy tắc 40.2 trong số những quy tắc đó, cũng như việc Trọng tài viên chấp nhận quyết định chỉ định tương ứng.

## 2. Độc lập và khách quan

- 2.1 Trọng tài viên được chỉ định sẽ và phải luôn độc lập và khách quan, đồng thời không được ủng hộ bất kỳ Bên nào.
- 2.2 Các Bên xác nhận rằng họ sẽ không phản đối quyết định chỉ định Trọng tài viên vì lý do có thể xảy ra xung đột lợi ích, thiếu tính độc lập hoặc khách quan liên quan đến những vấn đề họ đã biết vào ngày chỉ định.

## 3. Lệ phí và phí tổn phải trả cho Trọng tài viên

- 3.1 Các Bên sẽ chịu trách nhiệm pháp lý chung và riêng về mọi khoản phí cũng như chi phí phát sinh do Trọng tài viên thực hiện nhiệm vụ theo Các quy tắc của SCMA.
- 3.2 Đối với những tranh chấp áp dụng Thủ tục giải quyết nhanh, mức trần phí trong Biểu phí do Phòng Trọng tài Hàng hải Singapore duy trì sẽ được ưu tiên hơn các đoạn từ 3.3 đến 3.6 bên dưới.
- 3.3 Trọng tài viên có thể tính phí chỉ định hợp lý để chấp nhận quyết định chỉ định theo dẫn chiếu.
- 3.4 Các Bên sẽ trả thù lao cho công việc phân xử mà Trọng tài viên đã thực hiện theo mức thù lao mỗi giờ và/hoặc ngày mà Trọng tài viên và bên chỉ định nhất trí trước khi chỉ định; hoặc mức phí hợp lý dựa trên thỏa thuận sau đó, hoặc nếu không có thỏa thuận, như được xác định bởi Trọng tài viên duy nhất theo Điều 6 dưới đây.

- 3.5 Thời gian đi lại sẽ được tính bằng nửa mức thù lao mỗi giờ (nếu không làm việc trong trường hợp liên quan; còn nếu vừa đi lại vừa làm việc thì sẽ được tính theo mức thù lao mỗi giờ đã thỏa thuận).
- 3.6 Mức thù lao đã thỏa thuận trước khi chỉ định Trọng tài viên sẽ áp dụng trong một năm sau khi bắt đầu phân xử nhưng có thể được Trọng tài viên xem xét sau thời gian đó nếu quá trình phân xử chưa kết thúc.
- 3.7 Trừ khi bị hủy bỏ vì lý do Trọng tài viên không thể tham dự phiên điều trần, phí hủy bỏ sẽ được áp dụng và cần phải thanh toán cho những ngày đã hẹn trước để điều trần vụ việc, theo tỷ lệ như sau:

Hủy bỏ	Mức thù lao mỗi ngày x Số ngày
Nếu hủy phiên điều trần trong vòng chưa đến 12 tuần trước ngày được ấn định để bắt đầu phiên điều trần	<b>30%</b>
Nếu hủy phiên điều trần trong vòng chưa đến 4 tuần trước ngày được ấn định để bắt đầu phiên điều trần	<b>50%</b>
Nếu hủy phiên điều trần vào hoặc sau ngày bắt đầu phiên điều trần	<b>100%</b>

- 3.8 Các khoản phí phải trả không có bất kỳ thuế nội địa hay thuế khấu lưu nào do các cơ quan có thẩm quyền áp dụng đối với bất kỳ bên nào hoặc do các cơ quan có thẩm quyền tại nơi phân xử áp dụng. Thuế hàng hóa hoặc dịch vụ (VAT/GST) hoặc các loại thuế hay phí tương tự khác nếu phải nộp theo luật sở tại sẽ do các Bên gánh chịu.
- 3.9 Trọng tài viên sẽ được hoàn trả đối với mọi khoản chi được hoàn lại và các khoản phí phát sinh liên quan đến buổi phân xử (bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí đi lại, điện thoại, gửi tài liệu bao gồm chuyển phát nhanh, in ấn và photocopy; và các chi phí và phí tổn tư vấn của chuyên gia hoặc dịch vụ hỗ trợ nào khác). Chi phí đi lại nếu phát sinh sẽ được tính dựa trên:
  - i) Giá vé máy bay khứ hồi hạng thương gia linh hoạt;
  - ii) Chi phí lưu trú tại khách sạn hạng thương gia trong khoảng thời gian diễn ra phiên điều trần cộng thêm 2 đêm (nếu cần);
  - iii) Xe đưa đón sân bay/khách sạn; và
  - iv) Mọi chi phí tự trả khác phát sinh do thực hiện nhiệm vụ được chỉ định.

- 3.10 Trọng tài viên có thể lập hóa đơn yêu cầu hoàn trả các khoản chi được hoàn lại như và khi những khoản này phát sinh và có thể gửi các hóa đơn định kỳ liên quan đến lượng công việc đã hoàn thành. Các khoản thanh toán đến hạn thanh toán cho Trọng tài viên có thể được chi trả ngay bằng cách rút tiền đặt cọc theo quy định tại Điều 4 bên dưới. Trong bất kỳ trường hợp nào, các hóa đơn do Trọng tài viên đưa ra sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày lập.
- 3.11 Các chi phí liên quan đến dịch vụ hành chính và hỗ trợ được thực hiện cho các mục đích của trọng tài, bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí chép lời trong phòng điều trần, hệ thống quản lý tài liệu và hiển thị, cũng như bất kỳ dịch vụ cần thiết nào tương tự, sẽ được các Bên chi trả và thu xếp, theo bất kỳ hướng dẫn nào do (các) Trọng tài viên đưa ra.

#### 4. Biện pháp bảo đảm thanh toán phí cho Trọng tài viên

- 4.1 Không vi phạm quyền hạn của Tòa trọng tài theo Quy tắc 41 trong Các quy tắc SCMA Ấn bản thứ 4, mà Quy tắc sẽ được áp dụng đầy đủ và được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa Quy tắc đó và điều 4 này:
- i) Trọng tài viên luôn có quyền yêu cầu các Bên thanh toán khoản đặt cọc cho các lệ phí và phí tổn phải trả cho Tòa trọng tài với số tiền mà Trọng tài viên có thể xác định trong quá trình thực hiện quyền này theo Quy tắc 41. Các khoản đặt cọc bắt buộc như vậy phải được thanh toán (bao gồm ngoài tất cả các khoản phí giữ tiền) vào tài khoản ngân hàng được chỉ định của SCMA được giữ theo các Điều khoản của Thỏa thuận giữ tiền của SCMA được giữ trong quy chế hành nghề liên quan theo Các quy tắc SCMA Ấn bản thứ 4 có hiệu lực tại ngày yêu cầu nộp khoản đặt cọc; hoặc sẽ được thanh toán và giữ theo thỏa thuận giữ tiền khác mà Trọng tài viên có thể yêu cầu hoặc chấp thuận.
  - ii) Trọng tài viên sẽ xem xét tính đầy đủ của các khoản đặt cọc vào từng thời điểm và có thể yêu cầu các Bên đặt cọc bổ sung.
  - iii) Số dư đặt cọc chưa sử dụng tại thời điểm kết thúc phân xử sẽ được trả lại cho các bên theo yêu cầu của Trọng tài viên.

#### 5. Loại trừ trách nhiệm pháp lý, miễn trừ và bồi thường:

- 5.1 Không ảnh hưởng đến hoặc vi phạm bất kỳ quyền miễn tố nào theo luật áp dụng, mỗi Bên đồng ý rằng Trọng tài viên sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với:
- i) sự bất cẩn liên quan đến bất cứ việc gì đã làm hoặc bị bỏ qua đối với quá trình phân xử này; và
  - ii) bất kỳ nhầm lẫn nào về luật, dữ kiện hoặc thủ tục trong những quá trình tố tụng trọng tài này hoặc trong quá trình đưa ra phán quyết.

- 5.2 Để tránh hiểu nhầm, các Bên đồng ý không buộc Trọng tài viên phải chịu trách nhiệm pháp lý với bất kỳ Bên nào về bất kỳ hành động hoặc việc không hành động nào liên quan đến quá trình phân xử này và miễn trừ cho Trọng tài viên trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, ngoại trừ trường hợp gian lận.
- 5.3 Các Bên sẽ có trách nhiệm bồi thường chung và riêng cho Trọng tài viên về và đối với tất cả các yêu cầu bồi thường, hành động, vụ kiện, quy trình tố tụng, tranh chấp, bất đồng, yêu cầu, chi phí, phí tổn và thiệt hại dưới bất kỳ hình thức nào, ngoại trừ trường hợp Trọng tài viên có hành vi gian lận, phát sinh từ hoặc theo bất kỳ cách nào có thể được coi là do hành động hoặc việc không hành động của Trọng tài viên, về hoặc liên quan đến quy trình tố tụng trọng tài.

**6. Luật và thẩm quyền xét xử:**

- 6.1 Các điều khoản này sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Singapore. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến các điều khoản này sẽ được đưa ra phân xử trọng tài tại Singapore trước một trọng tài viên duy nhất được các Bên chấp thuận; hoặc, nếu không có thỏa thuận, được Chủ tịch SCMA chỉ định.

**Nếu các Bên ký tên:**

Nguyên đơn	Bị đơn
Tên người ký được ủy quyền	Tên người ký được ủy quyền
Công ty/Doanh nghiệp	Công ty/Doanh nghiệp
Chức danh	Chức danh
Ngày	Ngày

**Trọng tài viên ký tên:**

Trọng tài viên	Ngày
----------------	------

Nơi phân xử như nêu trong thỏa thuận trọng tài hoặc được xác định theo luật áp dụng. Ngày như được đề ở trên hoặc nếu không có chữ ký và không đề ngày thì sẽ coi là đã ký vào ngày chỉ định Trọng tài viên.

## ACKNOWLEDGEMENTS



The Singapore Chamber of Maritime Arbitration would like to thank **Allen & Gledhill LLP** for the firm's help with the Vietnamese translation of our 4th Edition Rules.



## **Phòng Trọng tài Hàng hải Singapore (SCMA)**

28 Maxwell Road, #03-09

Maxwell Chambers Suites, Singapore 069120

Điện thoại: +65 6324 0552

[www.scma.org.sg](http://www.scma.org.sg)

Thắc mắc thông thường: [mail@scma.org.sg](mailto:mail@scma.org.sg)

Phát triển kinh doanh và sự kiện: [marketing@scma.org.sg](mailto:marketing@scma.org.sg)

Phân xử và vấn đề pháp lý: [secretariat@scma.org.sg](mailto:secretariat@scma.org.sg)